

T. LAN



Vừa đi đường vừa kể chuyện



NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

VỪA ĐI ĐƯỜNG VỪA KỂ CHUYỆN

Tác giả: **T. LAN**

Nhà Xuất Bản Chính Trị Quốc Gia - 2008

LỜI NÓI ĐẦU

Nhân dịp kỷ niệm lần thứ 118 ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh, lãnh tụ kính yêu của giai cấp công nhân và dân tộc Việt Nam ta, và để có thêm tài liệu nghiên cứu, học tập tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia xuất bản cuốn sách *Vừa đi đường vừa kể chuyện* của tác giả T. Lan theo bản in năm 1976 của Nhà xuất bản Sự thật.

Nội dung chính của cuốn sách ghi lại một số mẫu chuyện về đời hoạt động cách mạng của Hồ Chủ tịch trong thời gian Người hoạt động ở Pháp, Liên Xô, Trung Quốc và một số nước khác vào khoảng từ năm 1928 đến trước ngày Cách mạng tháng Tám 1945 thành công. Phần cuối của cuốn sách ghi lại một số hoạt động của Hồ Chủ tịch trong những năm nhân dân ta kháng chiến chống thực dân Pháp.

Những chuyện này do Chủ tịch Hồ Chí Minh kể lại trên đường Người ra mặt trận trong chiến dịch Biên giới năm 1950.

Nội dung cuốn sách giúp chúng ta thấy rằng: với lòng yêu nước nồng nàn Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tiếp thu ảnh hưởng của Cách mạng tháng Mười Nga vĩ đại, Người đã sớm đến với chủ nghĩa Mác - Lênin và đã vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào hoàn cảnh nước ta, vạch ta đường lối cách mạng đúng đắn, độc lập, tự chủ chỉ lối cho cách mạng Việt Nam từng bước tiến lên, từ thắng lợi này đến thắng lợi khác. Cuốn sách cũng cho ta thấy rõ Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trải qua những năm tháng hoạt động cách mạng rất oanh liệt, đầy gian khổ hy sinh, muôn vàn khó khăn phức tạp nhưng vô cùng cao thượng và phong phú. Người đã nêu tấm gương sáng ngời về đạo đức cách mạng trong sáng và đẹp đẽ, thể hiện ý chí cao cả, quyết tâm cống hiến cả cuộc đời cho sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta và nhân dân thế giới.

Đọc cuốn sách này chúng ta càng hiểu thêm thân thể và sự nghiệp hoạt động cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, càng kính

yêu vô hạn và biết ơn sâu sắc công lao trời biển của Người đối với sự nghiệp cách mạng vĩ đại và vẻ vang của Đảng ta, của dân tộc ta. Chúng ta nguyện ra sức thực hiện khẩu hiệu “*Sống, chiến đấu, lao động và học tập theo gương Bác Hồ vĩ đại!*”, thực hiện mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách cùng bạn đọc và mong bạn đọc góp ý xây dựng để lần xuất bản sau được tốt hơn.

Tháng 4 năm 2008

Nhà xuất bản Chính trị quốc gia

ĐI THĂM MẶT TRẬN

Chuyện này bắt đầu cách đây đã 40 năm về trước. Chúng tôi được nghe kể lại cách đây hơn 10 năm. Tôi nhớ được thế nào xin thuật lại thế ấy.

Năm 1950, ta chuẩn bị đánh quét giặc Pháp ra khỏi đường số 4 và giải phóng biên giới Việt–Trung. Bác định đi thăm mặt trận.

Để Bác đi đỡ mệt, chúng tôi làm một chiếc cáng. Gọi là “cáng” cho vui, chứ sự thật chỉ là một tấm vải thô, hai đầu cột chặt vào một đoạn tre, một người có thể nằm để hai người khiêng. Nhưng Bác bảo: “Thôi dẹp nó đi!”.

Bác cùng chúng tôi đi bộ từ Phủ Chủ tịch ở Tuyên Quang đến mặt trận biên giới, rồi đi ngược đến tỉnh lỵ Cao Bằng, công việc xong lại trở về Tuyên Quang.

Xin thưa rằng, trong câu chuyện này nhiều danh từ chỉ có nghĩa thô sơ thôi. Như “Phủ Chủ tịch” chỉ là một túp nhà sàn, bốn bề phen không vách, làm ở trong rừng, xây dựng một ngày là xong, ở vài tháng rồi lại dời đi nơi khác.

Đối với chúng tôi, cuộc đi này thật vất vả, nhưng cũng thật thú vị.

Đi theo Bác có: một tiểu đội bảo vệ, một thầy thuốc – Bác sĩ Chân, đồng chí Thành với tôi, T. Lan. Muốn đi nhanh Bác cho đội bảo vệ đi trước vài mươi phút, rồi Bác và ba anh em chúng tôi đi sau.

Để tránh máy bay địch, chúng tôi khi thì đi ban đêm, khi thì đi đường rừng. Sáng dậy thật sớm. Đến trưa, hể gặp một ngọn suối trong, có cây cao bóng mát, có những tảng đá to, thì Bác bảo dừng lại. Giở cơm nắm ra ăn với thịt Việt Minh (một cân thịt vằm với một cân muối và một cân ớt). Ăn xong, mỗi người nằm nghỉ lưng trên một tảng đá, tha hồ mà “vui thú lâm tuyền”. Nghỉ một tiếng đồng hồ rồi lại tiếp tục đi.

Phần thì để giữ bí mật; phần thì không muốn làm phiền đồng bào, mỗi tối, chúng tôi thường đóng quân ở một ngôi đình, ngôi chùa,

hoặc một cái lán bỏ hoang. Mấy đồng lá cây phủ thêm mấy tấm vải bạt, ở giữa đốt bếp lửa, thế là thành “hành doanh” của đội “phụ tử binh^[1]” chúng tôi.

Tôi còn nhớ một lần đi đêm, trời đã khuya, thì may gặp một cái quán làm bằng vài tấm tranh cột trên bốn cái cọc tre. Ban ngày đồng bào miền núi thường đưa chuối, sắn, mía, khoai, v.v. treo vào đó. Khách qua đường ai muốn ăn thì cứ ăn, ăn hết bao nhiêu, khách tự tính giá phải chăng và tự bỏ tiền vào một cái ống nứa để sắn ở đó. Tối đến, chủ quán ra thu dọn số hàng còn lại và lấy tiền về, không bao giờ thêm vào vốn. Trước quán có một cái “ghe dài” làm bằng một đoạn cây to và cong queo, gác trên hai chữ X bằng nứa để cho khách ngồi. Bác đặt ba lô xuống, ghé lưng vào ghế, hai chân, hai tay giữ lấy ghế cho khỏi ngã... Một lát sau Bác đã ngủ ngon!

Có đêm, đang đi giữa đường thì nghe máy bay địch ném bom phía trước và phía sau, như chúng muốn chặn đường lính. Nhưng kinh nghiệm cho biết rằng chúng chỉ ném lung tung để phá đường giao thông và dọa các đội vận tải của ta.

Hôm nào trời nắng ráo, thì vừa đi vừa “ngoạn thủy du sơn” cũng thích. Nhưng hôm nào trời mưa to thì cũng khổ thật. Các toán vất “lợi dụng thời cơ” mà tấn công chúng tôi; thêm vào đó là đường trơn, gió rét. Tình cảnh ấy khiến tôi nhớ lại câu đối mà cha tôi thường đọc:

“Đi đường đất thịt trơn như mỡ

Ngồi gốc cây đa rét tận xương”.

Có những đoạn đường đất đỏ, bùn lút mắt cá, đi một bước trượt hai bước. Bác ra lệnh rút dép cao su ra, xắn quần quá đầu gối, tay thì chống gậy mà đi. Trong mấy anh em chúng tôi, bác sĩ Chân đi kém nhất, mà lại có nhiệm vụ phải đi theo kịp Bác. Nhiều khi đồng chí ấy muốn nghỉ chân, nhưng không dám nói. Một buổi sáng, mưa như đổ trên trời bị vỡ, sau khi đi được vài tiếng đồng hồ, thì thấy mấy cái nhà nhấp nhô dưới rừng cây cổ thụ. Nỗi lòng không nín được nữa, bác sĩ ta bèn thốt lên một tiếng, chỉ một tiếng mà thôi “Nhà!”.

Bác cười và bảo: “Đúng rồi. Đó là lán của các anh em vận tải đấy...” Chúng tôi hiểu ý Bác, nhìn nhau cười thầm.

Đến đường số 4, đồng chí Tổng tư lệnh đưa một chiếc xe gíp ra đón. Chúng tôi đã mừng và khẽ bảo nhau: “Bây giờ khởi cuộc bộ rồi!”. Không ngờ Bác bảo đồng chí cán bộ “đưa xe về cho bộ đội dùng chờ tiếp tế. Bác đi bộ quen rồi, không cần đi xe”.

Trên đường đi, Bác thường ghé thăm một cách bất thành linh đồng bào các bản làng và các đơn vị bộ đội. Anh em chiến sĩ và cán bộ thấy Bác đến một cách đột ngột, lúc đầu thì ngơ ngác rồi thì mừng quýnh lên, reo hò nhảy nhót, quây quần lấy Bác, có khi quên cả trật tự. Sau khi xem tận nơi bếp nấu, chỗ ở, công tác vệ sinh, Bác thân mật hỏi han thăm sức khỏe mọi người, dặn dò, phê bình, khuyến khích mấy lời như cha nói với đàn con, rồi lại tiếp tục đi.

Chúng tôi được biết rằng sau những cuộc đến thăm “du kích” của Bác, kết quả là về tinh thần thì bộ đội thêm gần gũi và càng chú ý công tác vệ sinh.

Trong chiến dịch này, bộ đội ta tỏ ra rất anh dũng, điều đó ai cũng biết. Đây tôi chỉ muốn nói thêm rằng nhân dân ta cũng anh dũng vô cùng. Đồng bào các dân tộc đi dân công không quản dãi nắng dầm mưa, không quản trèo đèo lội suối, không quản máy bay địch uy hiếp suốt ngày, họ luôn luôn vui vẻ, làm tròn nhiệm vụ.

Một hôm, trời hửng sáng, Bác ghé thăm một xóm ở gần đường. Ngoài đồng ruộng thấy mấy trăm chị em dân công, Kinh có, Tày có, Nùng có, Mán có... Người thì vừa nhóm bếp nấu cơm, vừa nói chuyện vui vẻ. Người thì chụm năm chụm ba, đang ngồi dựa lưng vào nhau mà ngủ. Bác hỏi mấy chị đang nhóm lửa: “Các cô cả đêm ngồi ngủ ngoài trời như vậy cả sao?”

Các chị trả lời: “Vâng ạ, nhà đồng bào chật, chỉ đủ chỗ để chứa lương thực của bộ đội khỏi ướt. Các cháu ngủ ngoài đồng thế này càng vui...”.

Bác ôn tồn khen ngợi chị em, rồi bảo chúng tôi: “Bộ đội ta dũng cảm như vậy, nhân dân ta dũng cảm như vậy, ta nhất định thắng, địch nhất định thua”.

Lời nói của Bác đã thành thật. Trận ấy ta thắng to, tiêu diệt được nhiều địch, giải phóng được biên giới, bắt được ba tên quan năm. Ta tạm giữ ba tên quan năm này trong những hang núi, Bác hoá trang làm một cán bộ mới bị thương, lấy vải băng che tóc, che râu, rồi đến hỏi chuyện chúng. Tên quan năm thầy thuốc tỏ vẻ hối hận và nói: “Thôi. Thôi! Tôi chán ngấy chiến tranh lắm rồi! Chính phủ Pháp đã tuyên truyền láo toét! Chúng tôi Việt Minh chỉ là một nhóm phiến loạn, không có quần chúng ủng hộ... Bây giờ tôi thấy rõ rồi. Nếu được tha về, tôi sẽ nói hết sự thật cho nhân dân Pháp biết...”.

Tên quan năm Lo-pa-dơ kéo quân từ Lạng Sơn lên hòng cứu thoát quân địch từ Cao Bằng chạy xuống. Nhưng đến nửa đường thì đoàn quân của y bị đánh tan và y bị tóm cổ. Anh chàng này, nói phô, kín đáo. Nhìn ra những đội quân của ta, hàng nghìn người kìn kịt gánh lương thực và đạn dược, liên tiếp nhau trên đường như những con rồng dài uốn khúc, y nói với một giọng buồn bã: “Tôi nhận đó là lực lượng đã làm cho các ông thắng lợi”. Bác nói: “Ông nói đúng. Đó chính là lực lượng đã làm cho các ông thất bại”.

Tên quan năm Sác-tông, chỉ huy quân Pháp ở Cao Bằng, vừa bỏ tỉnh lỵ kéo cả tiểu đoàn định chạy về xuôi, đến nửa đường cũng bị đánh tan và bắt được cả. Y là một tên phát xít hạng nặng. Vừa gặp Bác nó than phiền ngay: “Chà ông nghĩ mấy hôm liền, râu không được cạo, giày không được đánh bóng...” Nó nói tiếp: “Nếu còn có Thống chế Pê-tanh cầm quyền ở Pháp, thì chắc không xảy ra cuộc chiến tranh này. Nếu có chiến tranh thì quân đội Pháp cũng không đến nỗi thất bại...”.

Bác không ngắt lời nó, mời nó hút thuốc và ôn tồn khơi cho nó nói. Cuối cùng nó cũng phải nhận rằng chiến tranh xâm lược là phi nghĩa, thực dân Pháp đã thua, quân đội ta thắng. Rồi nó nói thêm: “Như thái độ của ông, thì tôi có thể nói chuyện. Còn các cán bộ trẻ tuổi của ông muốn thuyết phục tôi, thì thuyết phục sao được...”

Sau khi đã xem xét các vùng Đông Khê và Thất Khê, Bác lên thăm thị xã Cao Bằng mới được giải phóng, dặn dò cán bộ những công việc cần phải làm, rồi lại trở về Tuyên Quang.

Trong những ngày đi đường, Bác dạy chúng tôi học những đoạn Kim Vân Kiều và Chinh phụ ngâm, hoặc kể chuyện đời xưa, chuyện tiểu lâm. Vừa đi vừa ngâm nga nói cười như vậy làm cho mọi người khuây khoả, đi đường xa nhưng không mệt mỏi. Cũng có khi Bác kể chuyện cho chúng tôi nghe. Sau đây là tóm tắt câu chuyện Bác đã kể:

Chú thích

[1] Nghĩa là quân đội cha và con.

CÂU CHUYỆN BẮT ĐẦU

Hồi đó Bác trọ nhà luật sư Phan Văn Trường ở Pa-ri. Buổi sáng thì đi làm nghề tô ảnh phóng đại để lấy tiền ăn. Buổi chiều thì hoạt động cách mạng. Chính phủ Pháp cho hai tên mật thám đêm ngày theo dõi Bác.

Chính phủ Pháp lúc đó do Poanh-ca-rê cầm đầu. Y là một người cực kỳ phản động. Chính y đã chủ trương đánh cách mạng Nga. Khi quân sự đã thất bại, y chủ trương tẩy chay kinh tế Nga. Trong một cuộc tổng tuyển cử hạ nghị viện Pháp y đã cho dán khắp cả nước bức vẽ tuyên truyền chống cộng, dưới nhan đề là “Bôn-sê-vích hai hàm răng ngậm dao”. Trong bức vẽ phía sau là những ngôi nhà đang cháy ngùn ngụt! Phía trước là một người “bôn-sê-vích” mặt mũi dữ tợn, miệng ngậm một cái dao đâm máu, tay xách cái đầu của một người đàn bà... Vài năm sau, chính Poanh-ca-rê đã chủ trương chiếm đóng khu hầm mỏ Rúa của nước Đức.

Đảng Cộng sản Pháp đập lại Poanh-ca-rê một vố cũng khá nặng. Số là Poanh-ca-rê trong khi đến thăm một nghĩa địa có hàng nghìn mộ lính Pháp, thì Poanh-ca-rê nhăn răng cười. Đảng Cộng sản Pháp lấy được bức ảnh đó, cho in ra hàng triệu tấm, dưới nhan đề “Poincaré qui rít” (nghĩa là Poanh-ca-rê nó cười) và bán khắp nước Pháp. Bức ảnh đó đã gây nên một phong trào sôi nổi chống Poanh-ca-rê.

Một buổi trưa đi làm về, một bà già giữ nhà đưa cho Bác một bức thư. Quái! Xưa nay Bác vẫn chưa hề nhận thư gửi đến địa điểm này. Vì đề phòng mật thám, thư từ anh em cho tin tức hoặc bàn công việc đều gửi đến các nhà bạn quen của Bác. Mở thư xem thì ra của quan thượng thư thuộc địa mời Bác đến gặp. Cách vài hôm sau, Bác đi gặp y.

Trong phòng khách của Bộ Thuộc địa, một bày người Pháp “tai to mặt lớn” đang nhô nhố chờ đến phiên mình được “quan thượng” gọi vào. Nhưng Bác không phải chờ, vừa đến thì liền có ông già mang

xiềng bằng bạc (người truyền đạt ở các cơ quan cao cấp) mời vào ngay.

Một gian phòng rộng rãi và lộng lẫy, trưng bày đầy những đồ xưa vật quý mang từ các thuộc địa về. Quan thượng thư, đầu sói như quả bưởi, một mắt mang kính trắng, “uy phong lẫm lẫm” ngồi chễm chệ bên một cái bàn rất rộng và chất đầy giấy tờ. Thấy Bác vào, ông ta đứng dậy bắt tay và mời ngồi một cách lễ độ giả dối.

Hai người ngồi đối mặt nhau.

Một người thì đại biểu của chế độ đế quốc thực dân Pháp đang áp bức bóc lột Việt Nam.

Một người là tượng trưng của nhân dân Việt Nam đang bị Pháp đô hộ một cách tàn nhẫn.

Y thì nắm trong tay cả quyền binh kinh tế, chính trị, quân sự, cảnh sát, toà án, trại giam... ở các thuộc địa Pháp.

Bác là một trong 50 triệu người thuộc địa đang bị bọn thực dân Pháp bắt làm nô lệ.

Y có quyền bắt giải Bác về Việt Nam, gán cho tội tuyên truyền cộng sản, rồi đưa lên máy chém. (Triều đình Việt Nam đã vâng lệnh Pháp mà xử án Bác vắng mặt).

Bác thì chỉ dựa vào lực lượng chính nghĩa và cảm tình của giai cấp công nhân Pháp, nhất là công nhân Pa-ri.

Hai giai cấp, hai chế độ ngồi đối mặt nhau. Thế nhưng Bác cảm thấy ông ta sợ Bác, vì sợ cách mạng và đoán biết rằng ông ta cũng cảm thấy Bác không sợ ông ta, vì cách mạng không sợ cái chế độ do ông ta đại biểu.

Thượng thư thuộc địa mắt thì nhìn Bác chăm chăm, tay thì vẽ trên bàn, miệng thì nói như phun ra lửa. Y nói đại ý như sau:

“Hiện nay, có những kẻ ngông cuồng hoạt động ở Pháp. Họ liên lạc với bọn “bôn-sê-vích” ở Nga. Từ Nga họ liên lạc với Quảng Đông. Vừa từ Quảng Đông họ liên lạc với Việt Nam. Chính phủ Pháp biết hết những dây liên lạc đó! Họ âm mưu phá rối trật tự trị an ở Đông Dương và chống lại nhà nước bảo hộ. Nước Mẹ Đại Pháp rất khoan

hồng, nhưng sẽ không tha thứ những kẻ gây rối loạn... Nước Mẹ Đại Pháp đủ sức để bẻ gãy họ, như thế này...”

Nói đến đó, y về mặt hầm hầm, hai tay nắm lại và làm như đang bẻ gãy những vật gì rất cứng rắn – những người cách mạng Việt Nam...

Bác cứ giữ thái độ ung dung, mỉm cười, để mặc y nói. Cái mỉm cười trước những lời đe dọa làm cho thượng thư hỏi: “Ngài nói xong rồi chứ?”.

Là một nhà chính trị cáo già, ông ta đổi giọng và nói một cách ôn tồn:

“Tôi rất thích những thanh niên có chí khí như ông. Có chí khí là tốt, nhưng còn phải ‘thức thời’ mới ngoan. Ô này! Khi nào ông có cần gì tôi luôn luôn sẵn sàng giúp đỡ ông. Từ này, chúng ta đã quen biết nhau, ông không nên khách sáo...”

Bác nói: “Cảm ơn ngài! Cái mà tôi cần nhất trên đời là: Đồng bào tôi được tự do, Tổ quốc tôi được độc lập... Kính ngài ở lại, tôi xin phép về.”

Trên đường về, ngồi trong xe điện dưới hầm (Mê-tô-rô), Bác cười trong bụng: “Con cáo già thuộc địa đã đoán trúng ý định của mình!”.

XA CHẠY CAO BAY

Cách mạng Tháng Mười vĩ đại có một sức lôi cuốn kỳ diệu vô cùng. Từ khi nghe tin cách mạng xã hội chủ nghĩa thành công, Bác liền có ý định đi Nga mặc dù lúc đó chưa hiểu hết ý nghĩa cực kỳ to lớn của cuộc cách mạng ấy.

Hồi đó, đi Nga là một việc rất khó khăn và nguy hiểm. Sau khi Hồng quân đã đánh lui bộ đội của 14 nước đế quốc và dẹp xong bọn phản động trong nước, thì Nga lại bị các nước đế quốc bao vây chặt chẽ. Có những người như nhà thơ Pháp là đồng chí Ray-mông Lo-pho-vơ-rơ cùng mấy anh em công nhân đã mạo hiểm bí mật đi Nga, thì bị bọn phản động quốc tế bắt và thủ tiêu...

Nguy hiểm thì không sợ. Nhưng làm thế nào để giải quyết các khó khăn. Trước hết, làm thế nào để vượt được đoạn đường từ Pa-ri đến biên giới cho khỏi bị mật thám Pháp bắt lại? Làm thế nào để xuyên qua nước Đức và nước Ba Lan.

Ngày thường gần gũi anh em công nhân, Bác biết họ rất khảng khái. Vài thí dụ:

Trong một cuộc mít tinh ở Pa-ri, nhằm quyên góp giúp Nga đang bị đói kém và bệnh hoạn, người diễn thuyết là bà Sơ-vơ-rin, đồng chí Ca-sanh và đồng chí V. Cu-tuya-ri-ê. Khi nghe nói đến lạc quyên, thì trăm người như một, trong túi có bao nhiêu trút ra quyên hết, không ai đến xem mình quyên ít hay là nhiều. Đó là một biểu hiện đồng tình vô sản quốc tế rất cao quý.

Một đồng chí thợ già tên là N. làm ở nhà máy điện thường cùng Bác đi dự các cuộc mít tinh. Một hôm, khi cùng nhau từ cuộc hội họp đi về, đồng chí N. thủ thỉ nói với Bác: “Chú mày! Mình suốt đời đi lao động, có dành dụm được chút ít tiền. Mình không vợ không con, bao giờ mình ‘nhắm mắt’ mình để số tiền đó giúp chú làm cách mạng...”

Nay muốn đi Nga, thì chỉ có một cách là nhờ anh em công nhân giúp. Ý định như vậy rồi, Bác tìm làm quen với anh em công nhân xe lửa. Sau nhiều ngày tìm kiếm, thăm dò, Bác đến gặp đồng chí X,

làm ở đầu máy xe lửa đi Pa-ri – Bá Linh. Nghe nói Bác muốn đi Nga, đồng chí X vui vẻ nhận giúp ngay. Đồng chí X nói: “Được, chúng tôi sẽ giấu đồng chí ở một chỗ trên xe, bọn mật thám cũng chẳng tìm ra được! Nhưng xe chúng tôi chỉ đi lên Bá Linh thôi...”. Nheo mắt lại nghĩ ngợi một lát rồi đồng chí X nói tiếp: “Không sao! Tôi sẽ bàn với anh em xe lửa Đức giúp cho đồng chí...”

Thế là bước đầu đã thành công. Nhưng khó khăn vẫn còn không ít. Làm thế nào để bỏ rơi bọn mật thám ngày đêm theo mình như bóng theo hình? Anh em công nhân Đức có thể giúp, nhưng công nhân Ba Lan sẽ sẵn sàng giúp mình chẳng? Và ai sẽ phụ trách tờ báo Paria^[2] ?. Các đồng chí Á – Phi người thì giúp bài, kẻ thì giúp tiền làm báo, nhưng cần có gia đình bận bịu như mình để phụ trách mọi việc: như đi góp tiền, đi giục bài, bí mật gửi báo đến các thuộc địa, bán báo để tuyên truyền ngay ở Pa-ri... Thật là “ngón ngang trăm mối bên lòng!”.

Quanh quẩn mấy tháng, kế hoạch chưa xong, thì một hôm được Trung ương Đảng Cộng sản Pháp gọi đến và bảo: “Đồng chí sẽ được đi dự đại hội lần thứ năm của Quốc tế Cộng sản với danh nghĩa là đại biểu dân tộc thuộc địa”.

Tin mừng đó làm cho Bác sung sướng ngất trời!

Bọn mật thám nắm vững “quy luật” hoạt động của Bác: Sáng đi làm công. Chiều đến thư viện. Tối dự mít tinh. Khuya về nhà ngủ...

Bác cũng nắm vững quy luật “hoạt động” của chúng: Chúng chỉ theo Bác từ nhà trọ đến chỗ làm việc, đến chỗ xem sách, đến nơi hội họp. Sau đó tin chắc rằng Bác chẳng đi đâu mất, chúng về nhà chúng để vui thú gia đình.

Hôm đó, hai tay đút túi, Bác ung dung lên xe buýt đi tham gia cuộc mít tinh ở ngoại ô Pa-ri. Độ nửa giờ sau, Bác lặng lẽ đi quanh về ga xe lửa. Một đồng chí tin cẩn đã chờ sẵn ở đó, trao cho Bác một vé xe lửa hạng nhất (vì hạng nhất chỉ có những khách sang trọng, ít bị tình nghi), và một cái va ly con. Bác cố trấn tĩnh, nhưng đến khi xe lửa qua khỏi biên giới Pháp – Đức, trống ngực mới hết đập phồng.

Chắc chắn là bọn mật thám phụ trách gác Bác sẽ được quan thượng thư thuộc địa “thưởng” cho một mẻ nên thân. Mà chính quan thượng thư cũng tức mình đến “ung thư phát bối”.

Khi đi qua địa phận Đức bị quân Pháp chiếm đóng, thì thấy lại những cảnh tượng thực dân. Đối với người Đức, bọn quân phiệt Pháp ở đây cũng vênh váo lên mặt, làm mưa làm gió, y như bọn Pháp ở nước ta... Có mấy người thương binh Pháp lên nhằm toa xe hạng nhất, liền bị một tên quan sáu Pháp khua ba-toong đuổi xuống xe...

Tuy sau chiến tranh đã sáu năm, ở Bá Linh vẫn đói kém dữ (có lẽ ở các nơi khác cũng vậy). Người nào cũng có vẻ xanh xao, vàng vọt! Nạn lạm phát giấy bạc thật là kinh khủng, sớm một giá khác, chiều một giá khác. Đưa giấy bạc mua một tờ báo thì số giấy bạc chấp nhau lại, rộng hơn tờ báo. Cả gia tài bác chỉ vền vẹn hơn 1.000 quan Phơ-răng, vậy mà tính ra tiền Đức, Bác đã trở thành người giàu bạc triệu!

Chú thích

[\[2\]](#) Le Paria – Báo *Người cùng khổ*

TỔ QUỐC CÁCH MẠNG

Bác đến Nga vào mùa đông. Mọi vật đều bị tuyết phủ trắng xóa như một thế giới bằng bạc. Có ngày rét đến 42 độ dưới 0.

Đại hội Quốc tế Cộng sản hoãn chưa khai, vì Lê-nin còn ốm nặng.

Hôm 21-1-1924, một cơn gió thảm mưa sầm đã chấn động toàn thể nhân dân Nga, cũng như nhân dân lao động và dân tộc bị áp bức cả thế giới: Lê-nin, người thầy, người bạn, người đồng chí kính yêu của chúng ta mất rồi!

Cuối tháng 8-1918, trong lúc đến nói chuyện ở một cuộc mít tinh của công nhân nhà máy tại thành phố Pe-ter-bua (nay là Lê-nin-gờ-rát) Lê-nin bị một tên phản động bắn bị thương nặng. Từ đó về sau, Lê-nin thường bị yếu, nhưng vẫn cố gắng làm việc đến hơi thở cuối cùng.

Nghe tin buồn đó, nhiều người oà lên khóc. Bác cũng khóc. Kẽ sao cho xiết tình thương tiếc không bờ bến của những người lao động đối với người thầy cách mạng vĩ đại ấy. Biến thương xót thành hành động! Lê-nin mất, nhưng ngọn cờ chủ nghĩa Lê-nin có Đảng Bôn-sê-vích anh hùng nắm vững lá cờ và có hàng triệu người cộng sản khắp thế giới gương cao. Để tỏ tình đoàn kết chặt chẽ và nhiệt liệt ủng hộ Đảng của Lê-nin, hơn 24 vạn công nhân Nga lúc đó đã xin vào Đảng.

Bốn năm chiến tranh thế giới lần thứ nhất và năm năm nổi loạn, ngoại xâm đã phá hoại nền kinh tế Nga một cách cực kỳ nặng nề. Như so với năm 1913 (tức là năm trước chiến tranh), thì năm 1920:

- Công nghiệp nặng nói chung bảy phần chỉ còn một;
- Nghề đúc sắt chỉ còn 3% (116.000 tấn);
- Than chỉ bằng 1/3;
- Dầu lửa chỉ bằng 2/5;

- Nghề dệt vải chỉ còn 5%, phần mỗi người không đầy một thước.

Cuối năm 1924, đầu năm 1925, tuy kinh tế đã bước đầu khôi phục, nhưng mức sản xuất vẫn còn kém. So với năm 1913 thì:

- Tổng sản lượng công nghiệp mới đạt ba phần tư,
- Sắt mới đạt một phần ba,
- Gang mới đạt một phần hai,
- Giao thông vận tải mới đạt bốn phần năm.
- Trong nước vẫn còn hơn mười vạn người thất nghiệp.

Từ năm 1928 bắt đầu kế hoạch năm năm lần thứ nhất, rồi bắt đầu hợp tác hoá nông nghiệp. Nhờ sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng Cộng sản và tinh thần hăng hái thi đua của nhân dân trong khoảng mười năm, kinh tế Liên Xô đang tiến lên vùn vụt thì năm 1940, phát xít Đức lại gây ra cuộc Chiến tranh Thế giới lần thứ hai. Giữa năm 1941 chúng tiến công Liên Xô. Trong gần năm năm, chúng đã tàn phá của Liên Xô:

- 1.710 thành thị,
- 32.000 xí nghiệp
- 70.000 nông thôn...

Nhắc lại những khó khăn trong thời kỳ trước, để so sánh với những thành tích ngày nay, càng thấy rõ sự cố gắng và sự thắng lợi của Liên Xô vô cùng vĩ đại.

Ngày Bác đến Mốt-cu lần đầu tiên, điều kiện đời sống ở Liên Xô cũng đang rất khó khăn. Những thứ cần dùng hàng ngày như: bánh mì, bơ, thịt, đường, vải, v.v. đều bị hạn chế. Một thí dụ: Người Liên Xô quen uống nước chè với đường, nhưng lúc đó đường rất khan hiếm. Năm thì mười họa mỗi gia đình mới được mua chút ít. Người ta phải dùng Xa-kha-rin (một chất hoá học hơi ngòn ngọt) thay thế cho đường. Nhân dân phải nhịn những thứ của ngon vật quý để đưa ra nước ngoài đổi lấy máy móc cho công việc xây dựng. Nhà ở cũng

thiếu thốn... Tuy vậy không ai than phiền oán trách; trái lại mọi người đều cố gắng để vượt qua khó khăn để ra sức xây dựng.

Có thể nói: Hồi đó mức sống của người lao động Liên Xô và của người lao động Đức cũng kham khổ như nhau. Nhưng có những điều tuyệt đối khác nhau, giữa nhân dân hai nước:

- Người Đức phải tự nhận mình là kẻ thua trận trong cuộc chiến tranh, người Liên Xô thì tự hào mình đã thắng lợi trong cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa. Người Đức thì buồn rầu. Người Liên Xô thì phấn khởi.
- Nhân dân Đức rất cực khổ, nhưng bên cạnh họ thì bọn thống trị Đức và bọn tư sản nước ngoài sống một cách cực kỳ xa hoa. Nhân dân Liên Xô thì từ trên xuống dưới đều đồng cam cộng khổ, thắt lưng buộc bụng, đoàn kết phấn đấu, để xây dựng nước nhà, xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Do đó, người Đức sống trong một bầu không khí ảm đạm mịt mù. Người Liên Xô thì hăng say lao động và trông thấy trước mắt một tương lai hạnh phúc rực rỡ.

Còn bản thân Bác cũng có sự thay đổi lớn. Từ một công nhân nghèo ở Pa-ri sang đến Đức thoát trở nên một người “triệu phú”. Từ một người có bạc triệu ở Đức sang đến Liên Xô lại trở nên một thành viên chân chính, một người anh em ruột thịt trong đại gia đình vô sản quốc tế. Bác nói: “Từ bé đến lớn chưa bao giờ thấy trong mình tự do, khoan khoái và sung sướng như lúc bấy giờ. Tuy vậy, chỉ mong đại hội quốc tế sớm họp, để sau đại hội thì được đi hoạt động”. Trong khi chờ đợi, Bác cố gắng học hỏi và xem xét.

Một hôm Bác cùng mấy đồng chí người châu Phi đi thăm một trại nhi đồng có độ 300 em. Mặc dù trong hoàn cảnh thiếu thốn, nhi đồng được đặc biệt săn sóc về mặt vật chất. Về mặt tinh thần, các em cũng rất khôn. Cùng sáng hôm đó có mấy người viết báo Anh và Pháp đến thăm trại. Đối với họ các em giữ đúng lễ độ. Họ hỏi câu gì, các em trả lời câu ấy thế thôi. Các em không thích chuyện trò thân mật với những người “bước dôi” (tư bản).

Nhưng khi thấy Bác và các đồng chí châu Phi đến, thì các em vui vẻ chạy ùa ra như một đàn chim để hoan nghênh nhiệt liệt các chú, các bác cộng sản.

Một em gái độ sáu bảy tuổi, đẹp và ngoan khế hỏi Bác: “Chú ơi chú, mặt mũi bọn đế quốc ra thế nào? Chắc nó xấu lắm nhỉ? Cháu nghe các anh chị nói: Chúng hành hạ cả trẻ con Việt Nam, cháu ghét chúng nó lắm!... Bao giờ về nước, nhờ chú chuyển những cái hôn của các cháu cho các bạn Việt Nam nhé!”. Nói xong em ôm choàng hôn Bác và mắt em hơi ướt vì cảm động.

Tháng 6-1924, Đại hội lần thứ năm của Quốc tế Cộng sản họp ở Mốt-cu có đại biểu của 49 đảng cộng sản đến dự.

Trong đại hội, vấn đề quan trọng nhất là phân tích tình hình thế giới: Hồi đó, chủ nghĩa tư bản đang đi vào thời kỳ ổn định tương đối và tạm thời. Các đảng xã hội thuộc Quốc tế thứ hai đi đầu hàng giai cấp tư sản. Có đảng cộng sản đã phạm một số sai lầm trong phương pháp hoạt động... Vì vậy, đại hội đặc biệt nhấn mạnh vấn đề Mặt trận thống nhất giữa hàng ngũ công nhân, và yêu cầu các đảng cộng sản theo đúng chủ nghĩa bôn-sê-vích về các mặt tư tưởng, tổ chức và sách lược...

Phát biểu ý kiến, Bác trình bày trước đại hội tình hình chung của các nước đế quốc và các nước thuộc địa, cùng tình hình riêng của Đông Dương; nêu những việc các đảng cộng sản đã làm được và những điều thiếu sót đối với phong trào cách mạng ở các thuộc địa. Kết luận, Bác đề ra năm yêu cầu đối với Đảng Cộng sản Pháp:

- Báo Đảng thường xuyên đăng những bài về vấn đề thuộc địa;
- Tăng cường tuyên truyền và kết nạp vào Đảng những phần tử cốt ở những thuộc địa có chi bộ Đảng;
- Gửi một số đảng viên ở các thuộc địa đến Mốt-cu học;
- Tổng công hội (thống nhất) Pháp kết nạp những công nhân thuộc địa ở Pháp vào hội, để giáo dục họ;
- Đặt nhiệm vụ cho các đảng viên phải quan tâm hơn nữa đến vấn đề thuộc địa.

Sau đại hội, những vấn đề đó đều được thực hiện dần dần.

Câu chuyện đến đó, thì trời vừa trưa, bụng cũng đói, Bác bảo: “Phía tay phải đường kia có hang đá. Các chú xem thử có đúng không?”. Chúng tôi chạy đến xem, quả nhiên có một cái hang khá rộng, trông ra xung quanh thì “sơn thủy hữu tình”. Vào hang tạm nghỉ, chúng tôi hỏi sao mà Bác đoán biết ở đây có hang? Bác nói: “Những ngày hoạt động bí mật ở vùng Pác Bó, thường đi tìm hang làm địa điểm, cho nên trông thấy ở đâu có rặng cây và mỏm đá hơi khang khác thì đoán biết ở đó có hang.”

Chúng tôi dọn cơm nằm ra ăn. Vừa ăn được nửa chừng, bỗng nghe tiếng máy bay địch từ phía xuôi lên. Chúng tôi trèo lên núi xem, thấy cả ba chiếc. Chúng lượn quanh mấy vòng, rồi thay phiên nhau thả bom và bắn liên thanh xuống đường cái. Vì chung quanh nhiều rừng núi, tiếng động cơ tiếng bom và tiếng súng dội lên ầm ầm, long trời chuyển đất. Mười phút sau, thả hết bom, bắn hết đạn, chúng lại chuồn về xuôi.

Trận bắn phá ấy có vẻ hung tợn lắm, nhưng không có kết quả gì. Khi nghe máy bay địch đến, đồng bào dân công kéo nhau đi tạt vào rừng, ngồi nghỉ chờ máy bay địch đi rồi, đồng bào lại ra đường, không chút sợ hãi. Có người còn rửa địch: “Bố tiên sư nó! Nếu ngày nào chúng cũng lên, thì càng tốt, chúng sẽ tốn nhiều đạn, nhiều bom, nhiều xăng”...

Chúng tôi đi một đoạn thì gặp một đội thanh niên đang lắp hố bom, sửa lại đường. Bác hỏi: “Các cháu có sợ máy bay?”. Một cô thanh niên vừa cuốc đất vừa nhanh nhẩu trả lời: “Thưa không ạ, các cháu quen rồi, cuốc xẻng của chúng cháu đã nhiều lần thắng máy bay của giặc...”

Trước khi Bác tiếp tục kể chuyện, anh Thành đề nghị: “Nếu Bác kể cho nghe những hoạt động bí mật của Bác thì chắc là thú vị lắm”.

Không đồng ý với anh Thành, bác sĩ Chân nói: “Đã là bí mật thì không nên nói công khai. Anh em cách mạng ở các nước khác có thể còn dùng những cách bí mật đó. Nói ra không lợi”.

Bác bảo: “Chú Chân nói đúng. Thôi, để Bác kể những chuyện không bí mật vậy”.

Sau Đại hội lần thứ năm của Quốc tế Cộng sản, Bác còn dự các cuộc Đại hội Quốc tế Công hội đỏ, Quốc tế Nông dân, Quốc tế Phụ nữ, Quốc tế Thanh niên, Quốc tế Cứu tế đỏ.

Ở Đại hội Quốc tế Phụ nữ, Bác đã gặp nhiều nữ đồng chí Bôn-sê-vich, trong đó có đồng chí Cơ-rúp-scai-a (vợ Lê-nin). Đồng chí Cờ-rúp-scai-a rất chất phác, hiền lành, khiêm tốn và nói tiếng Pháp rất thành thạo. Đồng chí ân cần hỏi Bác về phong trào phụ nữ Việt Nam và nói cho Bác nghe về một số kinh nghiệm về việc hoạt động phụ nữ. Hồi đó đồng chí làm Bộ trưởng Bộ Giáo dục.

Sau các cuộc Đại hội đó, Bác bí mật sang Trung Quốc. Lúc đó, Trung Quốc đang ở trong tình trạng lộn xộn. Ở miền Bắc bọn quân Phiệt Ngô Bội Phu, Đoàn Kỳ Thụy, Trương Tác Lâm... do các nước đế quốc giật dây – đang đánh nhau lung tung. Ở miền Nam Quốc dân Đảng của cụ Tôn Trung Sơn và Đảng Cộng sản đang hợp tác chặt chẽ, do đó mà phong trào cách mạng đang lên cao. Chính phủ cách mạng (Quốc dân Đảng) đóng ở Quảng Châu đang chuẩn bị tiến quân về phía Bắc.

Bác về đến Quảng Châu thì may lại gặp các đồng chí Chu Ân Lai, Lý Phú Xuân, Thái Xương (vợ đồng chí Lý), và nhiều đồng chí khác mà Bác đã quen biết lúc ở Pháp. Đồng chí Mao Trạch Đông hỏi đó phụ trách trường huấn luyện nông dân. Đồng chí Lưu Thiếu Kỳ phụ trách phong trào công nhân. Đồng chí Bành Bái phụ trách tổ chức nông dân.

Thiên hạ đều biết rõ hoạt động cách mạng của các đồng chí lãnh đạo Trung Quốc. Đây Bác chỉ tóm tắt kể chuyện đồng chí Bành Bái. Tuy xuất thân từ một nhà địa chủ phong kiến kéch xù, đồng chí Bành là một trong những người lập nên Đảng Cộng sản Trung Quốc. Trước đó đồng chí đã vận động và tổ chức nông dân ở vùng Hải Lục Phong. Đầu tiên đồng chí vận động những tá điền của bố mình đòi giảm tô, giảm tức, vì vậy mà bị ông cụ ghét bỏ thậm tệ. May nhờ bà cụ cưng con và cô em gái thương anh, mà đồng chí Bành tiếp tục hoạt động được.

Trong thời kỳ đầu, đồng chí Bành đã gặp nhiều thất bại như: mặc áo Tây đến nhà nông dân, họ tránh không chịu gặp vì họ nghĩ “cậu

ám” đến đòi nợ cho bố. Vì hay nói chữ, nông dân nghe không hiểu. Vì gặp phụ nữ cũng nói chuyện, bị nông dân ghen, v.v... Mỗi lần thất bại, đồng chí đều có tìm ra nguyên nhân và sửa chữa ngay. Nhờ có quyết tâm và chịu khó, chẳng bao lâu đồng chí đã tổ chức được nông hội khắp hai huyện đã dùng súng ống đánh nhau với những địa chủ ngoan cố... Khi Quốc dân Đảng phản bội cách mạng, nông hội Hải Lục Phong vẫn đứng vững và đã che chở được nhiều cán bộ bí mật. Công xã Quảng Châu thất bại, đồng chí Bành vâng lệnh Đảng lên hoạt động bí mật ở Thượng Hải, bị bắt và đã oanh liệt hy sinh.

Ở Quảng Châu, Bác vừa làm phiên dịch cho đồng chí Bô-rô-đin, cố vấn Liên Xô bên cạnh chính phủ cách mạng Quốc dân Đảng, vừa phụ trách mục tuyên truyền trong tờ báo Canton Gazette – báo bằng chữ Anh của Trung ương Quốc dân Đảng.

Đến Quảng Châu được ít lâu, Bác cùng các đồng chí Lê Hồng Phong, Hồ Tùng Mậu, Lê Tản Anh... tổ chức Việt Nam Thanh niên Cách mạng Đồng chí Hội, chuẩn bị nền tảng cho việc tổ chức Đảng Cộng sản sau này. Với sự giúp đỡ của các đồng chí Trung Quốc, hội bí mật đưa một số thanh niên trong nước đến Quảng Châu học ở lớp huấn luyện chính trị. Hội ra một tờ báo Thanh niên in bằng giấy sếp, bí mật gửi về trong nước để tuyên truyền.

Thế là lời đoán mò cách đây mấy năm trước của “quan thượng thư thuộc địa Pháp” đã thực hiện: Phong trào cách mạng từ Pa-ri sang Mốt-cu, từ Mốt-cu sang Trung Quốc, từ Trung Quốc sang Việt Nam.

Được các đồng chí Trung Quốc đồng ý, Bác tổ chức “Á châu bị áp bức dân tộc liên hiệp Hội”, hội này có người Việt Nam, người Trung Quốc, người Ấn Độ, người Triều Tiên, v.v... tham gia khá đông và hoạt động khá mạnh. Cụ Liêu Trọng Khải được bầu làm hội trưởng, Bác làm bí thư.

Trong thời kỳ đó, ở Hương Cảng nổ ra cuộc tổng bãi công. Các nhà máy, các bến tàu, các trường học, các chợ búa đều bãi công, bãi thị, bãi khoá. Nông dân chung quanh Hương Cảng thì bị cấm nghiêm ngặt không để tiếp tế lương thực cho người Anh. Đời sống

của thực dân Anh bị tê liệt hẳn. Nhiều người Anh và người nước ngoài khác đã cuốn gói Hương Cảng. Cuộc bãi công gần đến thắng lợi hoàn toàn thì phải chấm dứt, vì bọn Tưởng Giới Thạch phản.

Từ năm 1925 đến đầu năm 1927, phong trào cách mạng chung tiến rất thuận lợi. Ở Trung Quốc thì quân “Bất phát” Quảng Đông đánh đầu thắng đó. Họ đã lấy được Thượng Hải, Nam Kinh và đang tiến thẳng lên Hoa Bắc. Phong trào công nhân nông dân, học sinh rầm rộ khắp nơi. Ở Việt Nam, thì nhiều thanh niên được huấn luyện ở Quảng Châu đã trở về nước và hăng hái hoạt động bí mật ở nhà máy, nông thôn, ở trường học từ Bắc đến Nam.

Vào khoảng đầu năm 1927, bọn Tưởng Giới Thạch phản bội cách mạng, thẳng tay khủng bố. Đảng Cộng sản và các đoàn thể quần chúng đều phải đi vào bí mật. Hội Việt Nam Thanh niên Cách mạng Đồng chí Hội” cũng vậy. Bác cũng phải bí mật rời khỏi Quảng Châu.

Sau ngày Cách mạng Tháng Mười Nga thành công, cụ Tôn Trung Sơn thấy rõ rằng cuộc cách mạng Tân Hợi (1911) chưa phải đã thắng lợi. Tuy Trung Quốc đã xoá bỏ chế độ vua chúa nhưng vua Mãn Thanh vẫn giữ “tiểu triều đình” ở Bắc Kinh, bọn đế quốc vẫn hoành hành, bọn quân phiệt vẫn chia nhau thống trị, công nhân và nông dân vẫn bị áp bức bóc lột như xưa. Cụ bèn chấn chỉnh lại Quốc dân Đảng và định ra ba chính sách lớn là: thân Nga, thân cộng, giúp đỡ công nông. Từ đó, lực lượng cách mạng ở Quảng Đông ngày càng phát triển.

Cuối năm 1924, cụ Tôn Trung Sơn lên Bắc Kinh đàm phán với các nhóm chính trị nhằm tìm cách thống nhất Trung Quốc. Chẳng may cụ ốm và chết trước khi khai mạc hội nghị. Bọn Tưởng Giới Thạch và Uông Tinh Vệ lên nắm quyền lãnh đạo Quốc dân Đảng và đến năm 1927, chúng ra mặt phản cách mạng. Cuộc “Quốc cộng hợp tác” lần thứ nhất tan rã. Nội chiến bắt đầu. Đảng Cộng sản đã tổ chức Hồng quân, lập chính quyền Xô Viết ở những vùng mình chiếm được. Đến năm 1931, Nhật Bản xâm lược Trung Quốc. Bọn Tưởng Giới Thạch muốn thoả hiệp đầu hàng. Đảng Cộng sản kêu gọi chấm dứt nội chiến để toàn dân chống Nhật. Dưới sức ép của nhân dân, Quốc dân Đảng buộc phải đồng ý cuộc “Quốc cộng hợp tác” lần thứ hai, nhưng bọn Tưởng-Uông vẫn có âm mưu “dùng Nhật diệt cộng.

Chiến tranh thế giới lần thứ hai bùng nổ. Năm 1945 trước thế tiến công “như chẻ tre” của Hồng quân Liên Xô, Nhật Bản thất bại phải đầu hàng và chuồn khỏi Trung Quốc. Đế quốc Mỹ giật dây, Tưởng quay lại chống cộng. Nội chiến lại bùng nổ. Sau năm năm chiến đấu vô cùng gian khó và anh dũng, Đảng Cộng sản đã tiêu diệt năm triệu quân của Tưởng, đuổi đế quốc Mỹ ra khỏi Trung Quốc, và thành lập nước Trung Hoa Dân chủ Cộng hoà.

*

* *

Hôm ấy mới bốn giờ chiều, nhưng đã đi được ngót 40 cây số. Bác và chúng tôi vào nghỉ ở một xóm đồng bào Nùng.

Chúng tôi đang mở ba lô sắm sửa nấu ăn, thì bỗng nghe đồng bào trong xóm bảo nhau: “Ra xem tù binh! Ra xem tù binh!” Chúng tôi cũng theo ra xem.

Một tốp hơn một trăm tên vừa quan vừa lính của tiểu đoàn Sác-Tông, do một tiểu đội ta giải đi, đang kéo qua làng. Số đông chúng chỉ mặc áo lót, quần lót, vì trước đây vài hôm, chúng đã bị quân ta đánh úp, không kịp trở tay, cũng không kịp mặc áo. Tên nào cũng mặt mày khờ khạo, râu ria xồm xoàm. Có tên dù không bị thương cũng đã đi cà nhắc. Bao nhiêu “khí thế yêng hùng” của bọn lê dương của “quân đội đại Pháp” đều biến mất hết. Trước kia chúng ngang tàng dữ tợn bao nhiêu, thì bây giờ chúng càng mếu máo tiều tụy bấy nhiêu, chúng đã trở nên một đàn người chẳng nên người, ngợm không ra ngợm.

Trong đám chúng có một tên ở trần, áo lót cũng không có. Hoàng hôn ở vùng rừng thì trời bắt đầu rét, nó chạy co ro. Chạnh lòng thương hại, Bác cởi vạt cho nó một cái áo. Nó chấp tay vái và miệng lẩm bẩm: “Cám ơn ngài! Cám ơn ngài!” Bác bảo nó: “Thôi, đi đi!”.

Anh em bộ đội cho biết rằng: bọn tù binh Pháp sợ hãi ghê lắm. Chúng sợ chết. Theo chính sách của Đảng và Chính phủ, ta đối đãi tù binh một cách nhân đạo. Nhưng ta cho chúng ăn uống khá, thì chúng sợ rằng “Việt Minh nuôi cho béo, rồi mới giết”. Sau khi giải thích cho chúng hiểu chiến tranh xâm lược là phi nghĩa, Việt Nam nhất định thắng, thực dân nhất định thua - ta thường thả một số tù binh. Được thả chúng cũng sợ rằng “Việt Minh sẽ phục kích chúng trong rừng để khỏi phải nuôi tốn gạo”. Sở dĩ như vậy là vì chúng đã bị thực dân tuyên truyền nhồi sọ: “Lính Pháp thà chết còn hơn, nếu lọt vào tay Việt Minh thì sẽ bị móc mắt, cắt tai, chặt đầu, mổ bụng...”.

Những tù binh được ta thả, về đến đơn vị chúng bị nhốt lại rồi tổng về Pháp ngay. Bọn chỉ huy Pháp sợ họ tuyên truyền chống

chiến tranh.

Dù sao, chính sách nhân đạo của ta đã có ảnh hưởng tốt, nhất là đối với binh lính người châu Phi. Từ khi họ biết ta đối đãi tốt những tù binh người Phi, thì trong các cuộc càn quét, họ không hung ác như trước, có khi họ còn tỏ đồng tình với đồng bào ta...

Tối hôm nay chúng tôi nghỉ ở nhà cụ Thềng, đồng bào Nùng. Nhà sàn rộng rãi, sạch sẽ, nhưng trống trải. Như để trả lời câu hỏi mà chúng tôi chưa thoát ra, cụ Thềng nói: Vùng này đồng bào triệt để làm “vườn không, nhà trống”. Cửa cải lương thực đều đưa hết vào lán trong rừng, phòng giặc Pháp cướp phá. Bây giờ giặc thua rồi, ta thắng rồi, đồng bào bắt đầu dọn về nhà...

Cụ Thềng đã ngoài 60 tuổi, nhưng vẫn mạnh khỏe và nhanh nhẹn. Qua câu chuyện, chúng tôi được biết rằng cả nhà này đều tham gia kháng chiến. Cụ Thềng là phó đội trưởng du kích xã. Cụ bà là “mẹ chiến sĩ”. Anh cả đã hy sinh oanh liệt trong trận đầu tiên trên đường số 4. Anh hai và anh ba đang ở bộ đội. Hai cô dâu đều là đội viên dân quân du kích. Cô Kim con gái thứ tư làm y tá, rất gan dạ trong khi cứu chữa thương binh, đã được khen thưởng nhiều lần. Con trai thứ năm là em Pồn, mười ba tuổi và con gái út là em Hoà mười tuổi, đều làm “Liên lạc viên”.

Thật là “một nhà trung hiếu, muôn thuở thơm danh!”. Độ bảy giờ tối, ông cụ mang súng đi tuần, Pồn và Hoà đi học, tay cặp sách, tay xách đèn, cái đèn thấp dầu hoả, làm bằng lọ mực. Khắp vùng này cũng như nhiều nơi khác, để tránh máy bay địch, trường học chỉ vào ban đêm. Khoảng bảy giờ tối, từng toán nhi đồng dắt nhau đi học, em nào cũng xách một cái đèn. Từ xa trông lại, hàng chục cái đèn biến thành một con rồng lượn trên đồng lúa, nương bông. Vừa vui mắt vừa cảm động. Cảm động vì gặp hoàn cảnh khó khăn vậy, con em ta cũng vẫn cố gắng học.

Cũng như thường lệ, sáng hôm sau, chúng tôi dậy sớm (cả nhà cụ Thềng đã đi công tác từ lâu), nấu cơm gói vào mo cau để ăn trưa. Bác cháu mỗi người ăn một bát lót bụng rồi thông thả lên đường.

Ở vùng này, lúc hoàng hôn và lúc tảng sáng, phong cảnh rất nên thơ. Gió rừng thổi vi vu làm cho các cành cây đu đưa một cách nhẹ nhàng yếu điệu. Mặt trời chênh chênh rơi xuống, biến ỨC triệu giọt sương trên lá cây ngọn cỏ thành những hạt ngọc nhấp nháy, lung linh. Những con suối trong vắt chảy róc rách, hoà vãn với giọng ca líu lo của hàng nghìn, hàng vạn chim rừng. Nhiều khi người thấy mùi thơm của hoa và nhựa cây từ xa bay đến, phảng phất và nhẹ nhàng. Trên trời xanh biếc có vài đám mây trắng đủng đỉnh bay, giống hệt những chiếc thuyền buồm khoan thai lướt trên mặt biển. Bên ven rừng, hàng vạn con bướm nhỏ vàng vàng bay phấp phới như muốn thi đua với khách đi đường. Như để làm cho phong cảnh thiên nhiên càng thêm màu, thêm vẻ, mấy chú bé cưỡi trên lưng những con trâu béo núc na núc ních, em thì hò hát, em thì giở sách chăm chú ôn lại bài học tối hôm qua. Khó mà nói đó là bài thơ trong bức vẽ, hay là bức vẽ trong bài thơ.

Trong những lúc đó, nếu không gặp những tốp tù binh Pháp, không gặp những đơn vị bộ đội ta đang phấn khởi tiến lên mặt trận và đồng bào dân công đang hăng hái vận tải tiền tệ - thì người ta có cảm giác đang sống trong một thế giới thanh bình!

*

* *

Tiếp tục câu chuyện hôm qua, Bác nói: “Tuy bọn Quốc dân Đảng khủng bố tợn, Bác vẫn nán ở lại Quảng Châu một thời gian, vì Bác cần bí mật liên lạc với đồng chí Trung Quốc và cần duy trì công việc của Hội “Thanh niên Cách mạng Đồng chí”. Nhưng một đêm đã canh khuya, vào đầu tháng 5/1927, đồng chí Lĩnh (người Việt Nam, tốt nghiệp tại trường Quân quan Hoàng Phố, làm việc ở Sở Công an) đến báo tin: “Chúng sắp bắt anh đấy! Tính thế nào, anh phải tính nhanh đi!”, “36 chước, chước chuồn là hơn”, Bác liền bí mật đi Hương Cảng.

Đến Hương Cảng bị sở mật thám Anh xét hỏi. Cũng như đối với mật thám Pháp, mật thám Ý, lần này gặp mật thám Anh, Bác cũng đối phó xong xuôi, dù lần này khó khăn hơn nhiều. Chúng bảo Bác phải rời khỏi Hương Cảng trong 24 giờ.

Lên Thượng Hải, bọn Quốc dân Đảng cũng khủng bố gắt. Để che mắt mật thám, Bác mặc thật bảnh, ở khách sạn thật sang. Nhưng mưu mô ấy không thể kéo dài, tốn tiền quá.

Chỉ còn một cách là chạy về Tổ quốc cách mạng - chạy về Liên Xô. Bác làm việc một thời gian ở Mốt-cu và ở Bá Linh rồi ở Pa-ri. Có nhiên lần này không đến gặp quan thượng thư thuộc địa và phải hết sức khéo léo lánh mặt những người “bạn” mật thám Pháp đã quen thuộc năm xưa... Bác được phái đi dự cuộc hội nghị quốc tế “chống chiến tranh đế quốc” ở Bơ-rúc-xen, thủ đô nước Bỉ. Đến ga xe lửa thì Bác gặp đồng chí Xan Ca-ta-da-ma, người sáng lập Đảng Cộng sản Nhật. Vì tuổi già đồng chí được đoàn thể cấp cho vé xe hạng nhất. Khi thấy Bác đi hạng ba, mặc dù Bác khấn khoản mời đồng chí cứ đi hạng nhất cho khoẻ khoắn, đồng chí Xan Ca-ta-da-ma là một người thợ nhiều nghề, đấu tranh đã nhiều, lênh dênh không ít, tính rất kiên quyết đồng thời rất hiền lành.

Đến dự hội nghị, có nhiều đại biểu các nước thuộc địa và đại biểu mấy đảng cộng sản các nước đế quốc. Ở hội nghị Bác có gặp người chiến sĩ lão thành yêu nước là cụ Nê-ru, thân sinh của Thủ tướng Nê-ru.

Sau hội nghị ít lâu, Bác đi Thụy Sĩ, sang Ý để dần dà đi về Tổ quốc.

Thụy Sĩ là một nước nhỏ, chỉ rộng hơn 41.000 cây số vuông, với hơn năm triệu dân. Vì ở vào giữa ba nước Pháp, Đức, Ý cho nên người Thụy Sĩ nào cũng biết ba thứ tiếng: nói chung thì trình độ văn hoá khá cao. Phong cảnh rất đẹp, có núi An-pơ cao hơn 4.000 thước và tuyết phủ suốt đời. Có hồ Gio-ne-vơ mênh mông, dài 70 cây số, rộng 12 cây số, sâu hơn 800 thước, v.v... Mỗi năm có hàng chục vạn người nước ngoài đến thăm, “lữ hành” là một nguồn lợi lớn, được coi như một công nghiệp.

Hồi đó, Ý đang bị bọn phát xít Mút-xô-li-ni thống trị. (Mút-xô-li-ni cướp chính quyền năm 1922, bị nhân dân xử tử năm 1945). Ở các hiệu môn, các trường học, các cơ quan, các nhà tù, hai bên đường... nơi nào cũng treo ảnh Mút-xô-li-ni với những cái mũ khác nhau. Khi thì như đồ đốc hải quân. Khi thì như đại nguyên soái. Khi thì như tổng tư lệnh không quân. Khi thì như quận công thủ lĩnh tối cao của đảng phát xít... Nhưng bộ mặt vênh vang để ghét thì bao giờ cũng không thay đổi.

Khi thấy Bác xin giấy phép đi qua nước Ý, cơ quan phát xít hỏi nhiều câu lôi thôi. Đến biên giới công an biên phòng phát xít giờ xem quyển “từ điển chống cộng quốc tế” dày khoảng 2.000 trang, ghi tên tuổi những người cách mạng (tiếp trang 31) các nước từ chữ A đến chữ Z. Không thấy tên mới của Bác trong đó, chúng chào lễ phép và nói: “Mời ông cứ đi!”.

Đến phía Bắc nước Ý, Bác ghé vào xem hội chợ ở Mi-lan, một thành phố buôn bán phồn thịnh nhất nước Ý. Ở đó có một cái tháp cao, ai muốn lên tháp xem phong cảnh chung quanh thì phải mua vé. Bác chào ông cụ già gác tháp và hỏi bằng tiếng Ý: “Sao cụ, đời sống thế nào?”. Nhìn trước nhìn sau không có ai, ông cụ thở dài và nói: “Ôi khổ lắm ông ạ. Biết bao giờ sẽ chấm dứt chế độ này...!”.

Khi đi xem phong cảnh thủ đô Rô-ma, Bác bị hỏi giấy và bị đưa về sở công an. Cũng nhờ bị bắt mà Bác hiểu thêm cách thống trị của phát xít. Trên các đường phố, cứ cách độ 100 thước, thì có một tên mật thám. Cách 500 thước thì có một tên tổ trưởng mật thám. Tên

mật thám hỏi giấy và bắt Bác hầu như mù chữ. Tại sở mật thám, chúng ra vẻ rất lễ độ. Tên trưởng phòng đứng dậy bắt tay Bác mời Bác ngồi và mời Bác hút thuốc, rồi hỏi những câu băng quơ. Người ít kinh nghiệm thì dễ rơi vào cạm bẫy của chúng...

Rôm là một thủ đô khá đẹp, với khoảng hai triệu nhân dân, có nhiều di tích lịch sử gần 3.000 năm. Hầu như đường phố nào cũng có một nhà thờ Công giáo, hoặc to, hoặc nhỏ. Thành phố xa hoa, nhộn nhịp “ngựa xe như nước, áo quần như nen”. Nhưng người thường dân thì cực khổ, vì giá sinh hoạt thì đắt đỏ, và thuế khoá nặng nề. Ngủ khách sạn một đêm cũng phải nộp thuế. Ăn một đĩa súp cũng phải nộp thuế. Đi xem chiếu bóng cũng phải nộp thuế. Một bạn công nhân Ý nói khế với Bác: “Người Ý từ lúc còn ở trong bụng mẹ cho đến sau khi vào quan tài, động một chút là phải nộp thuế!”.

Bên cạnh Rôm có thành phố Va-ti-can, là cung điện của Giáo hoàng, đại bản doanh của đạo Thiên chúa. Ở đó có nhiều nhà thờ và lâu đài rất nguy nga đồ sộ. Bộ đội của Giáo hoàng canh gác nơi đây vẫn ăn mặc như lính phong kiến cách đây hơn 300 năm, khi nhà thờ đòi đốt sống ông Ga-li-lê nếu ông không chịu bỏ cái lý thuyết rằng quả đất xoay vần.

Rất đông khách nước ngoài đến xem Va-ti-can, nhất là những ngày có cúng lễ lớn thì có đến hàng chục vạn người. Dân cư chính cống ở thành phố này không đầy 1.000 người, số đông là nhân viên của toà thánh. Viện bảo tàng có trưng bày những gông cùm mà trước đây nhà thờ dùng để phạt những người dân thiếu thuế thiếu nợ. Có một cái guồng xe như cái đu tiên, người ta trói ngựa người bị phạt vào đó, cột chặt mình mẩy và chân tay vào guồng xe, rồi vừa đánh vừa quay tít thò lò...!

Bác đến cửa biển Náp-lô, đi xem núi lửa Vê-xu-vơ và di tích Pom-pê-i. Đồi xưa Pom-pê-i là một thành phố nghỉ mát của người Rô-manh. Cách đây khoảng 1.880 năm, Pom-pê-i bất thành lình bị tro và bùn núi lửa Vê-xu-vơ vùi lấp hết. Về sau người ta đào lên dần dần. Ngày nay dấu tích nhà cửa vẫn còn. Nhiều bức vẽ trên tường ghi tả đời sống xa hoa, dâm dật của bọn quý tộc - màu sắc vẫn còn tươi đẹp. Núi lửa Vê-xu-vơ không dữ tợn như trước, nhưng vẫn phun khói mù trời.

Bác đáp tàu Nhật Bản đi sang Xiêm. Ở Xiêm Bác giúp kiều bào chỉnh đốn thêm những đoàn thể yêu nước, và tổ chức trường dạy học các trẻ em. Kiều bào ở Xiêm có thể chia làm ba hạng: (A) là những đồng bào nghèo - số đông từ hai tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị sang Xiêm buôn bán kiếm ăn. (B) là cháu chắt những đồng bào theo đạo Thiên chúa bị triều đình Minh Mạng và Tự Đức khủng bố, chạy trốn sang Xiêm. Những kiều bào này ở tập trung thành từng xóm, từng làng. Họ vẫn nói tiếng Việt và ăn mặc như người Việt dù họ đã lấy quốc tịch Xiêm. (C) là những người đã tham gia phong trào Văn thân ngày trước và phong trào cách mạng ngày nay, bị thực dân Pháp khủng bố mà chạy sang đây. Khi đông người thì ở tập trung từng xóm, ít người thì ở xen lẫn với kiều bào cũ.

Nói chung, kiều bào đều đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau, nhớ thương Tổ quốc, và căm thù thực dân. Có những cán bộ rất tận tụy và được kiều bào tin cậy.

Bà con Xiêm đối với kiều bào ta cũng tử tế. Chuyện sau đây chứng tỏ tình cảm tốt của người Xiêm đối với kiều bào: Cụ Tú Hường (em cụ Đặng Nguyên Cẩn) là một người cách mạng già rất gương mẫu. Một hôm, thực dân Pháp phải cho mật thám sang yêu cầu chính phủ Xiêm bắt giam cụ Tú cho chúng. Viên quan địa phương cho mời cụ Tú đến trụ sở và hơn mười cụ già Xiêm đều da đen, người thấp, râu bạc, giống hệt cụ Tú, rồi bảo tên mật thám Pháp: “Đây ông xem ai là Tú Hường thì ông bắt đi. Nhưng nếu ông bắt nhầm người công dân Xiêm, thì ông sẽ phải chịu phạm luật quốc tế!”. Tên mật thám nhìn kỹ, thấy ông già nào cũng giống nhau, nó không nhận ra ai là cụ Tú. Kết quả là nó phải cụp đuôi chuồn không dám bắt ai.

Ở Xiêm khoảng một năm, Bác được tin Hội "Thanh niên Cách mạng Đồng chí" sẽ chia thành ba phái và tổ chức ba đảng cộng sản khác nhau. Nóng ruột Bác lại bí mật trở về Trung Quốc và mời đại biểu ba phái đến Hương Cảng họp hội nghị. Đến dự hội nghị có Bác và các đồng chí Hồ Tùng Mậu, Lê Tản Anh, Nguyễn Đức Cảnh...

Để giữ bí mật, hôm thì mấy anh em giả đánh “mặc chược” ở khách sạn, hôm thì đến sân vận động xem đá bóng. Sau mấy buổi bàn cãi sôi nổi, đến ngày 3/2/1930 (vào dịp Tết âm lịch) ba phái đều

đồng ý thống nhất thành Đảng Cộng sản Việt Nam. Mọi người đều vô cùng vui mừng, phấn khởi. Để chúc mừng Đảng ra đời, Bác đãi một bữa Tết Nguyên đán vừa tiết kiệm, vừa linh đình.

Bác nói: Từ năm 1918, Bác gửi cho Hội nghị Vec-xa (hội nghị hoà bình giữa các nước dự cuộc chiến tranh thế giới lần thứ nhất, họp ở Pháp) tám khoản yêu cầu của nhân dân Việt Nam, đến năm 1920 - vào Đảng Cộng sản Pháp, đến năm 1924, dự Đại hội lần thứ năm của Quốc tế Cộng sản và năm 1930 - dự cuộc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, đó là những ngày sung sướng nhất trong đời Bác.

Từ đó, giai cấp công nhân Việt Nam có Đảng tiên phong của mình, và ngay từ đầu Đảng đã nắm quyền lãnh đạo cách mạng. Tin mừng về việc thành lập một đảng cộng sản thống nhất làm cho cán bộ đảng viên và nhân dân ta vô cùng phấn khởi và từ đó cuộc vận động cách mạng ào ạt tiến lên từ Bắc đến Nam.

Sau đó, Bác sang Xiêm và Mã Lai... Trở lại Hương Cảng được ít lâu, thì bị đế quốc Anh bắt giam.

Nghe câu chuyện đến đây, chúng tôi rất hồi hộp. Nhưng xem đồng hồ vừa đúng 1 giờ. Cũng vừa gặp một con suối quanh co với những tảng đá lô nhô, nước chảy trong vắt, hai bên bờ có nhiều cây cỏ thụ rải bóng mát êm đềm như những bức màn khổng lồ. Thiên nhiên như tỏ ý ân cần mời khách đi đường tạm nghỉ bước. Bác cháu chúng tôi ăn cơm nắm xong, rồi với thú vị “màn trời chiếu đất” ngủ trưa một giấc ngon lành.

Muốn biết câu chuyện phát triển thế nào, xin các bạn chờ xem kỳ sau viết tiếp.

*

* *

Chúng tôi hồi hộp nghe Bác kể chuyện bị bắt ở Hương Cảng như sau:

Ngày xưa giai cấp thống trị nước Anh có truyền thống đối đãi “khoan hồng” với những người cách mạng nước ngoài. Ví dụ:

- Người thầy cộng sản của chúng ta là Các Mác bị chính phủ Đức đuổi ra khỏi nước, rồi bị chính phủ Pháp đuổi. Nhưng đến Luân Đôn thì chính phủ Anh để ông Mác ở yên suốt đời.
- Sau khi Công xã Pa-ri thất bại (1871), bọn phản động Pháp khùng bố dữ. Nhiều lãnh tụ công xã lánh nạn sang Anh, chính phủ Anh cũng để họ làm ăn yên ổn.

Tháng 7/1903, Đại hội lần thứ hai của Đảng Lê-nin (hội đó gọi là Đảng Công nhân Xã hội Dân chủ nước Nga) họp ở Luân Đôn. Khi đại hội hết tiền ăn, một người tư sản Anh đã cho đại hội mượn tiền để tiếp tục khai hội.

Đối với những người cách mạng nước ngoài, chính phủ Anh chỉ đặt một điều kiện: “Các người tuyệt đối chống động đến nội chính của nước Anh”.

Nhưng từ ngày Cách mạng tháng Mười thành công, cộng sản trở nên một phong trào mạnh trên thế giới, thì giai cấp thống trị Anh không “dễ dãi” với những người cộng sản.

Bác nói tiếp: Hoạt động cách mạng bí mật phải hết sức cẩn thận để tránh bị bắt. Nhưng đồng thời phải luôn luôn chuẩn bị sẵn sàng đối phó nếu không may mà bị bắt. Nếu bị bắt thì nguyên tắc bất di bất dịch là: Thà chết chứ quyết không nói gì, làm gì có hại cho cách mạng.

Năm 1931 là năm phong trào chống Nhật lên cao trong quần chúng nhân dân Trung Quốc, cũng như là năm Quốc dân Đảng và bọn đế quốc khùng bố tợn. Nhiều người cách mạng bị bắt ở Trung Quốc, ở Phi-lip-pin, ở Mã Lai, ở Hương Cảng... Các đồng chí Việt

Nam như: Hồ Tùng Mậu, Nguyễn Minh Khai, v.v... người thì bị bắt ở Hương Cảng, người bị bắt ở Thượng Hải, ở Quảng Châu...

Ngày 6/6/1931, Bác bị bắt ở số nhà 186 Phố Tam Lung (Cửu Long). Sau đó cảnh sát Anh bí mật bao vây dãy phố ấy mấy tuần hòng đặt “bẫy chuột” để bắt đồng chí qua lại với Bác. Nhưng kết quả không bắt được ai. Gian nhà Bác ở thì bị chúng lật hết từng bức tường, từng viên gạch, dùng chất hoá học nghiên cứu, để tìm tài liệu bí mật. Nhưng cũng không tìm được gì.

Những người cách mạng Trung Quốc bị bắt ở Xiêm, Mã Lai, Philip-pin và các nơi khác đều bị đưa về Hương Cảng. Đối với họ, cũng như đối với những người cách mạng bị bắt ở Hương Cảng, đế quốc Anh chỉ giam giữ ít lâu, tra khảo, lấy khẩu cung, rồi đuổi ra khỏi cảng, chứ không phạt tù đầy.

Thật là “khoan hồng”! Nhưng một khi bước chân xuống thuyền (Hương Cảng là một hòn đảo, chung quanh là biển, muốn đi bất kỳ nơi nào khác, cũng phải đi thuyền), thì hầu hết những đồng chí được “trục xuất cảnh” đều bị bọn đặc vụ Quốc dân Đảng bắt ngay.

Bác vào nhà giam vài hôm, thì đồng chí Hồ Tùng Mậu bị đưa ra nhà giam để “trục xuất cảnh”. Nhân dịp đó đồng chí Mậu báo cho luật sư Lô-dơ-bi (chủ nhiệm công ty luật sư RUSS, của người Anh) biết tin Bác bị bắt, và nhờ ông ta giúp Bác.

Ông Lô-dơ-bi vào nhà giam gặp Bác và nói ông sẽ ra sức cãi hộ cho Bác.

Bác nói không có tiền để trả phí tổn cho công ty.

Ông Lô-dơ-bi nói: “Tôi biết ông là một lãnh tụ cách mạng Việt Nam. Tôi cãi hộ ông là vì danh dự chứ không nhất thiết chỉ vì tiền...”.

Từ đó, vợ chồng ông Lô-dơ-bi hết lòng giúp đỡ Bác về đời sống trong nhà tù cũng như về vụ án kiện. Cũng do ông Lô-dơ-bi mà các đồng chí Pháp và Hội Quốc tế Cứu tế đó biết rõ tình hình của Bác.

Được tin Bác bị bắt, thực dân Pháp ở Việt Nam vui mừng và hoạt động tợn. Chúng phái cả bầy mật thám sang châu chực ở Cảng. Chúng vận động chính phủ, toà án và cảnh sát Anh dùng mọi cách để trao Bác cho chúng. Chúng phái tàu thủy chờ sẵn ở Cảng, nếu

toà án ký lệnh “trục xuất” là chúng tóm Bác đưa lên tàu chở về Việt Nam ngay. Chúng cho rằng lần này chúng sẽ thực hiện được lời đe dọa của quan thượng thư thuộc địa đã nói mười năm trước đây: tức là bề gãy những người cách mạng Việt Nam.

Chính phủ Cảng cũng muốn bí mật trao Bác cho thực dân Pháp. Nhưng luật sư Lô-dơ-bi làm cho việc Bác thành ra công khai và đòi Toà án tối cao phải xét xử.

Một mặt do bọn thực dân Pháp tuyên truyền Bác là một người Bôn-sê-vích cực kỳ nguy hiểm; mặt khác do công an Cảng vu cáo Bác có âm mưu lật đổ chính quyền người Anh ở xứ này - thành thử dự luận cho rằng đây là một vụ án quan trọng nhất từ trước đến nay chưa từng có ở Cảng!

Từ tháng 6 đến tháng 9, toà án họp 9 phiên. Mỗi phiên họp đều có cảnh sát vũ trang Anh và Ấn Độ gác khắp các cửa ra vào.

Trong các phiên toà có nhiều quan chức cao cấp đến xem. Vai chính là:

- 2 vị chánh án và phó chánh án
- 2 vị công tố, thay mặt “nhà vua” buộc tội
- 2 vị luật sư cãi hộ cho Bác.

Các vị này đều mặc áo thụng đen và mang tóc giả theo lối đời xưa đời xưa. Trên bàn trước mặt mỗi vị có những chồng sách to tướng về luật lệ. Họ luôn luôn giở sách để dẫn chứng những lời họ trình bày, thật là “nói có sách, mách có chứng”.

Ông Lô-dơ-bi ngồi ở bàn và Bác ngồi trong vành móng ngựa đều không được nói gì hết. Khi muốn trao đổi ý kiến với nhau, hoặc với thầy kiện, thì chỉ việc tóm tắt trên một miếng giấy nhỏ.

Lý lẽ của các thầy kiện tóm tắt là:

1. Việc bắt giam Bác là trái phép, vì Bác bị bắt giam từ hôm 6/6/1931, nhưng đến hôm 12/6, tổng đốc Anh mới ký lệnh chính thức cho phép bắt.
2. Người công chức lấy cung đã làm trái phép vì y đã hỏi Bác những điều ngoài khuôn khổ pháp luật đã quy định hỏi.

3. Buộc Bác phải đáp tàu Pháp đi về Đông Dương, tức là cố ý giao Bác cho Pháp để chúng giết Bác, thế là trái phép.

Hai điểm trên, chính phủ và công tố đã phải nhận sai lầm. Nhưng quan toà và công tố vẫn quyết định đuổi Bác về Đông Dương.

Ông Lô-dơ-bi chống án lên “Hội đồng Nhà vua” và nhờ luật sư Nô-oen Pơ-rít(Nowell Prit) ở Luân Đôn cãi hộ cho Bác.

Đến tháng 2/1933, gần Tết âm lịch, “Hội đồng Nhà vua” xoá án và ra lệnh: Cho phép Bác tự do đi đâu thì đi, miễn là ra khỏi Hương Cảng.

Thế là thắng lợi bước đầu! Nhưng đi đâu? Đi thế nào cho thoát? Nếu không khéo thì ra khỏi nhà giam sẽ rơi vào tay thực dân Pháp.

Bà Lô-dơ-bi nhờ một người bạn mua hai vé tàu thuỷ hạng nhất...

Hôm đó, một chiếc tàu nước ngoài (từ Hương Cảng qua Thượng Hải đi Nhật Bản) mới nhổ neo đi ra biển độ ba cây số thì được lệnh phải đỗ lại...

Chiếc ca nô riêng của Tổng đốc Hương Cảng đưa một vị thân sĩ Trung Quốc vào một phòng hạng nhất trên chiếc tàu ấy...

Tàu đến Hạ Môn thì vừa đúng 30 Tết âm lịch. Nhận lời mời của bầu bạn, vị thân sĩ Trung Quốc lưu lại ăn Tết ở Hạ Môn...

Sau 20 tháng gian lao nguy hiểm, một lần nữa Bác lại thoát khỏi âm mưu độc ác của thực dân Pháp và tạm thời đánh lạc hướng của chúng.

Thắng lợi này phần rất lớn là nhờ sự hết lòng giúp đỡ của ông bà Lô-dơ-bi.

Tức tối vì không bắt được Bác, giận dữ đối với người Anh, các báo thực dân Pháp bịa đặt ra tin rằng: Bác mắc bệnh lao trong nhà lao Anh, và đã chết rồi.

Các báo Anh liền quật lại, đại ý như sau:

“Các anh là những người hèn hạ, ngấm máu phun người. Các anh run sợ trước một người cách mạng Việt Nam nhưng không làm gì được. Người cách mạng đó đã được toà án Anh tha rồi và đã xa chạy cao bay. Vì các người muốn bôi nhọ công lý và danh dự của

người Anh, mà bịa đặt rằng người cách mạng đó chết là bị người Anh giam giữ. Sự thật là người Việt Nam ấy vẫn sống. Mà sự hy vọng vô lý của các anh thì chết rồi”.

Các báo Anh nói thêm: “Việc người cách mạng Việt Nam được trắng án là một danh dự lớn cho luật sư Lô-dơ-bi và của công lý nước Anh. Nhưng thiên hạ cũng phải công nhận rằng một người Việt Nam ấy được may mắn còn biết bao nhiêu người khác không được may mắn mà bị xử oan...”

Nghe câu chuyện đến đây, anh em chúng tôi đều cảm thấy nhẹ nhàng cả người. Một lần nữa Bác lại thoát khỏi cơn nguy hiểm. Bác sĩ Chân liền hỏi:

“Thưa Bác, trong khi bị bắt giam, tình trạng tinh thần và vật chất của Bác thế nào?”

Bác xem đồng hồ nói: “Sáng nay, chúng ta đã đi được nửa đường rồi. Các chú xem có chỗ nào tốt, chúng ta nghỉ chân và ăn cơm, rồi Bác sẽ tiếp tục kể chuyện.”

Khám lớn Hương Cảng rất to rộng, gọi là ngục Vích-tô-ri-a. Vích-tô-ri-a là một vị vua đàn bà Anh nổi tiếng trị vì 64 năm, thọ 82 tuổi (1819-1901).

Nhà giam Bác có ba tầng, mỗi tầng hai dãy xà lim. Cách xây dựng xà lim không xứng kích thước phổ thông chút nào! Bề cao 3 thước tây, mà bề ngang chỉ hơn một thước, bề dọc không đầy hai thước, bề rộng chỉ vừa một người nằm xiên xiên. Cao chót vót trên đầu tường chỉ có một cái cửa sổ nhỏ hình nửa mặt trăng lơ mờ, bị song sắt và lưới sắt bưng bít. Ban ngày từ cửa sổ ấy ánh sáng lọt vào xà lim một cách rụt rè, bỡ ngỡ. Cửa xà lim bằng ván gỗ dày độ một gang tay và bọc sắt; ở chỗ cao ngang đầu người có một lỗ tròn, phía trong rộng, phía ngoài hẹp, như một cái loa. Chốc chốc tên lính gác ngục (người Ấn Độ, người Xíc và người Anh) ghé mắt vào lỗ xem xét tình hình người tù trong xà lim.

Mỗi ngày, tù được ra ngoài xà lim 15 phút, đi dạo quanh một cái sân hẹp. Bốn phía sân đều là nhà giam cao ngất ngheo với những bức tường kín mít, âm u, người ta cảm thấy như đi dạo đáy một cái giếng. Ngừng đầu lên thì chỉ trông thấy trời rộng bằng một chiếc

khăn tay. Ở trong xà lim ngọt ngạt, ra ngoài xà lim cũng vẫn ngọt ngạt.

Mỗi ngày ăn hai bữa cơm gạo xay, một phần tư là thóc. Hôm nay, thức ăn bữa sáng có rau muống, bữa chiều có mắm thối hoặc cá ươn. Hôm sau, để thay đổi “khẩu vị”, bữa sáng có mắm thối hoặc cá ươn, bữa chiều có rau muống. Mỗi tuần được ăn một bữa tiệc: một phần cơm trắng cùng vài miếng thịt bò.

Cùng giam với Bác đều là những người bị bắt vì chính trị. Những người phạm tội khác bị giam riêng. Dù cực khổ và có lẽ cái chết đã treo sau ót, những người tù cách mạng không hề tỏ vẻ lo sợ, họ vẫn vui cười như thường. Tối nào đến giờ đi ngủ, họ cũng hát vang Quốc tế Ca và nhiều bài cách mạng khác, bất chấp bọn lính gác ngục đe dọa la lối om sòm.

Đời sống vật chất trong nhà tù, tóm tắt là như vậy. Mấy tháng về sau, vì sức yếu và nhờ có ông Lô-dơ-bi vận động, Bác được đưa vào nhà thương, điều kiện ăn ở có dễ chịu hơn.

Khi bị bắt giam, trong tâm trạng chỉ có một điều là lo. Không phải lo số phận mình sau này sẽ ra sao, vì sẵn biết rằng kết quả cuối cùng chỉ có thể hoặc là sẽ bị bọn thực dân thủ tiêu, hoặc là sẽ thoát khỏi xiềng xích, trở lại hoạt động cách mạng. Lo là lo những công việc mình làm chưa xong, ai sẽ tiếp tục làm thay? Ít nhiều kinh nghiệm mình đã gom góp được, làm thế nào để truyền lại cho đồng chí khác? Những nối mạch và những địa điểm chỉ có mình biết, từ nay ai sẽ xây dựng lại?... Đảng ta tuy mới thành lập nhưng uy tín đã cao, đấu tranh đã mạnh, giai cấp công nông đều trông vào sự dìu dắt của Đảng; đồng thời bọn thực dân ra tay khủng bố, nhiều đồng chí bị bắt và bị hy sinh, nhiều tổ chức bị phá vỡ - từ nay công tác của Đảng sẽ tiến hành ra sao? Ai sẽ hướng dẫn những đảng viên mới, anh dũng có thừa nhưng kinh nghiệm còn thiếu? Lo hết việc này, lại lo đến điều khác. Chỉ lo suông mà không giải quyết được cho nên:

“Ngón ngang trăm mối bên lòng

Ngủ không ngon giấc ăn không ngon mồm.”

Lo chán lại đặt kế hoạch: Nếu được trở lại tự do, đối với công việc Đảng ta sẽ tăng cường điểm này, cuộc vận động công nhân và nông dân ta sẽ cải tiến cho họ: việc tổ chức thanh niên và phụ nữ ta phải sửa đổi chỗ kia... Biết bao nhiêu là kế hoạch chủ quan, mình tự đặt ra, rồi mình lại thảo luận, bàn cãi với mình. Nếu người ngoài nhìn thấy vậy có thể cho Bác là đãng trí, lảm cẩm. Sự thật là một người đang hoạt động sôi nổi, bỗng nhiên bị nhốt lại một mình trong một cái xà lim âm thầm kín mít, ngày này qua tháng khác không được nói năng gì với ai, không ai được nói năng gì với mình – trong hoàn cảnh đó, muốn cho khỏi đãng trí thì chỉ có một cách là đặt ra chuyện mà lo tính và tính lo cho khuây khoả và giữ cho đầu óc cứ hoạt động như thường.

Còn một cách tiêu khiển nữa là gây chiến tranh với rệp, hoặc là xem kinh thánh Cơ đốc. Kinh thánh Cơ đốc là một thứ sách được khuyến khích xem trong nhà tù. Dù sao, đối với công cuộc và tương lai của cách mạng Bác quyết không hề bi quan, luôn luôn lạc quan.

Hồi đó, ở khám lớn Vích-to-ri-a có vài chuyện thú vị.

Anh Lý bị án 7 năm tù (không rõ vì sao), còn 5 tháng nữa thì hết hạn. Lý được đưa vào làm (khổ sai) ở xưởng may áo của nhà tù. Ở xưởng may có một tên cai người Anh rất hung ác. Lý nói: “Ta quyết giết chết thằng ác ôn này, để anh em đỡ khổ với nó”. Một hôm tên cai ấy đang đánh đá túi bụi một bạn tù, thì Lý cầm một chiếc kéo to thọc nó lòi ruột. Lý lại bị đưa ra toà và chịu thêm 7 năm tù nữa. Từ đó bọn gác ngục không dám lại gần Lý. Còn anh em tù thì đều gọi Lý là anh hùng.

Cũng trong thời gian đó, Trịnh Quốc Dậu, con một Hoa kiều triệu phú, vì giành nhau một cô gái nhảy mà phạm tội giết người. Bị tổng vào khám Vích-to-ri-a. Vì “công tử” không ăn được cơm gạo xay như mọi người tù khác, nó được phép nhận cơm ở nhà đưa vào. Cơm ở ngoài đưa vào thì phải kinh qua những người tù làm “coóc vê” chuyển đến cho Dậu. Những người tù này nói với nhau: “Bồ ồ nó ăn sung mặc sướng nhiều rồi. Nhân dịp này chúng mình chia chút đỉnh cho anh em tù nghèo cùng nếm”. Thế là hầu hết nem, chả, vật lạ của ngon không đến miệng Dậu. Dậu tức lắm nhưng không dám mở mồm.

Anh em tù (đã thành án), bãi công, bãi thực để đòi cải thiện chế độ giam cầm. Chủ ngục dùng cách khủng bố, đánh đập từng người. Nhưng hễ một người tù bị đánh đập thì tất cả mọi người khác la um sùm. Khi đêm khuya thanh vắng, họ cùng nhau kêu van: “Đói lắm trời ơi! Khổ lắm trời ơi” làm chấn động cả khu phố. Muốn đầu dụ, chính phủ Hương Cảng bảo một nhóm thân sĩ Hoa kiều vào khám lớn khuyên dỗ anh em tù. Có vị thân sĩ khi đứng đằng xa thì nói to: “Anh em nên chấm dứt cuộc bãi công, bãi thực đi. Nhà nước sẽ đáp ứng những yêu cầu của các anh em...” Nhưng khi đến gần anh em tù, thì vị thân sĩ ấy nói khẽ: “Anh em cứ đấu tranh cho đến thắng lợi cuối cùng”...

Những mẩu chuyện ấy cho chúng ta thấy rằng tình giai cấp và tình dân tộc ở đâu cũng có hoặc ít hoặc nhiều. Một mẩu chuyện nữa:

Khi Bác ở trong khám, nhiều “ông, bà” người Anh có quyền dắt nhau vào xem, ý chừng họ muốn thấy mặt mũi “lạ lùng” của người Bôn-sê-vích.

Khi Bác vào nhà thương, anh chị em nhân viên người Trung Quốc cũng đến xem, nhưng với một cách kín đáo, không sỗ sàng như người Anh.

Một hôm, cô y tá người Trung Quốc thường ngày chăm sóc Bác, thủ thủ hỏi Bác một cách bí mật: “Chú này! Cộng sản là thế nào? Chú làm cộng sản làm gì để bị bắt bớ khổ thân!” Cô ta biết cộng sản không phải là trộm cướp, buôn lậu giết người; thế thì cộng sản là gì và vì sao mà bị bắt giam, điều đó cô ta không hiểu được!

Bác trả lời: “Nói tóm tắt cộng sản là làm cho ai cũng sung sướng và bình đẳng, không ai bóc lột và đè nén ai. Ví dụ: Cộng sản muốn làm cho chị em cô không phải mang cổ xanh suốt đời không bị người mang cổ đỏ sai khiến (cổ áo đỏ là y tá trưởng người Anh; cổ áo xanh là những y tá nữ người Trung Quốc)”.

Cô y tá giương to cặp mắt nhìn Bác và nói: “Thế ạ!”.

*

* *

Ở Hạ Môn ít lâu, Bác đi tàu thủy lên Thượng Hải.

Đến Thượng Hải hôm trước, hôm sau xem báo thì thấy tin “Hôm qua những tàu biển cập bến tô giới Pháp đều bị nhà chức trách lục soát rất kỹ...”

Hú vía! Ở Thượng Hải, bọn Quốc dân Đảng cũng khủng bố gắt gao. Để che mắt bọn mật thám, Bác phải tiếp tục giữ bộ điệu như một vị thân sĩ, mặc áo quần thật sang, ở khách sạn thật sang, nhưng đến tối thường khoá cửa lại, rồi ăn khoai trừ bữa và tự giặt lấy quần áo...

Mùa thu năm 1933, được tin có một đoàn đại biểu từ châu Âu sắp sang các nước Viễn Đông tuyên truyền chống chiến tranh đế quốc. Đoàn gồm có một người quý tộc Anh, một đại biểu quốc hội nước Bỉ, một nhà văn người Pháp (là đồng chí Vây-ăng Cu-tuy-ri-ê). Tin tức này làm cho Bác mừng rỡ nhẹ cả người.

Bác đến Thượng Hải đã lâu mà vẫn chưa bắt được liên lạc.

Đối với người cách mạng, không gì khổ tâm bằng đã không hoạt động được, lại mất liên lạc với đoàn thể lâu ngày. Điều đó làm cho người cách mạng đêm ngày cảm thấy vô cùng cô độc linh đình.

Đoàn đại biểu hoà bình đến Thượng Hải bị chính quyền Quốc dân Đảng và tất cả người da trắng ở thành phố này tẩy chay. Khi tàu sang đến Nhật cấm không cho lên bờ.

Ở Thượng Hải, bà Tống Khánh Linh (vợ Cụ Tôn Trung Sơn) đã bí mật tổ chức một cuộc mít tinh cho đoàn nói chuyện.

Bác viết thư cho đồng chí Vây-ăng Cu-tuy-ri-ê. Thư này bỏ vào trong một thư khác cho một người bạn nhờ chuyển hộ.

Người bạn này (Bác chỉ quen biết sơ thôi) có uy tín cho nên Quốc dân Đảng và bọn đế quốc ghét lắm, nhưng chỉ phải đặc vụ bao vây dò xét, chứ không dám bắt bớ, giam cầm.

Bác ăn mặc thật sang, thuê một chiếc xe hơi thật sang, đi đến nhà người bạn ở trong tô giới Pháp, gõ cửa, trao bức thư, rồi đi ra ngay. Lúc trở về, thấy cảnh sát Pháp chặn các khu phố lục soát

người đi đường. Người lái xe tỏ vẻ ngập ngừng... Bác bảo: “Cứ đi!”. Chắc là vì chiếc xe rất sang trọng, cho nên không bị chặn lại khám xét... Một lần nữa hú vía!

Chiều tối hôm sau, bác gặp đồng chí Vây-ăng Cu-tuy-ri-ê ở một địa điểm kín đáo. “Muôn dặm quê người gặp bạn thân!” Cả hai người vô cùng mừng rỡ, vừa cảm động vừa nghẹn ngào... Hai anh em siết chặt tay nhau mà nói chuyện.

Bác nói cho đồng chí Vây-ăng Cu-tuy-ri-ê biết hoàn cảnh khó khăn của mình.

Đồng chí Vây-ăng Cu-tuy-ri-ê nói cho Bác rõ tình hình phong trào cách mạng.

Ở Việt Nam từ ngày phong trào Xô Viết Nghệ Tĩnh anh dũng, thực dân Pháp cực kỳ hoảng sợ và thẳng tay khủng bố hết sức dã man. Nhiều làng mạc bị san phẳng. Nhiều đồng chí bị hy sinh. Nhiều tổ chức bị tan vỡ...

Tháng 3-1931, trong lúc Trung ương Đảng bí mật họp hội nghị ở Sài Gòn, Ngô Đức Trì bị bắt và phản bội. Vì nó khai mà đồng chí Trần Phú và nhiều đồng chí khác bị bắt. Suốt sáu tháng bị tra tấn dã man, tháng 9 năm ấy đồng chí Trần Phú đã chết trong nhà tù.

Tuy phong trào tạm thời bị xuống thấp, nhưng sự hy sinh oanh liệt của cán bộ và đảng viên đã làm cho ảnh hưởng và uy tín của Đảng không ngừng lên cao. Tên Bộ trưởng Thuộc địa Pháp đã công nhận rằng: “Hoạt động của Đảng Cộng sản nguy hiểm cho Pháp gấp mấy lần cuộc bạo động của Quốc dân Đảng”...

Từ cuối năm 1931 đến nay (mùa thu 1933), do sự cố gắng phi thường của các đảng viên và lòng hăng hái của nhân dân nhiều chi bộ đảng và nhiều cơ sở quần chúng dần dần được tổ chức và hoạt động lại.

Tình hình thế giới thì thế này: một bên là chủ nghĩa tư bản lâm vào khủng hoảng trầm trọng, đã phái đi đến con đường tối phản động là chủ nghĩa phát xít. Một bên là giai cấp công nhân các nước đấu tranh ngày càng hăng. Nhân dân lao động Liên Xô thất bại buộc bụng để xây dựng chủ nghĩa xã hội, đã thu được nhiều thắng

lợi lớn... Nói tóm lại, tuy cách mạng gặp khó khăn không ít, nhưng tiến bộ cũng rất nhiều...

Đã ba năm không hay biết gì hết, hôm nay được đồng chí Vây-ăng Cu-tuy-ri-ê cho biết những tin tức đó, lòng Bác băng khuâng vừa thương xót vừa vui mừng. Vui mừng vì những cuộc thử thách cực kỳ ác liệt, Đảng ta đã tỏ ra cứng cáp và đường lối chính trị và Đảng dần dần khôi phục lại lực lượng của mình. Đồng thời phong trào cách mạng trên thế giới đang tiến lên, thành trì cách mạng thế giới là Liên Xô đang xây dựng chủ nghĩa xã hội thắng lợi.

Thương xót vì những người con ưu tú của Đảng và của nhân dân – như đồng chí Trần Phú, và những đồng chí khác đã bị hy sinh.

Đồng chí Trần Phú là một trong những thanh niên đầu tiên sang học ở trường huấn luyện chính trị tại Quảng Châu, rồi tham gia Hội “Thanh niên Cách mạng Đồng chí” và được giới thiệu đi học ở Mát-xcơ–va một thời gian. Vào khoảng tháng 4-1930 đồng chí Trần Phú trở lại Trung Quốc gặp Bác bàn bạc công việc Đảng, rồi về nước hoạt động. Tháng 10-1930 Trung ương họp hội nghị lần thứ nhất, chính thức bầu đồng chí Trần Phú làm Tổng Bí thư đầu tiên của Đảng. Là một người rất thông minh, hăng hái, cần cù, đồng chí Trần Phú đã làm được nhiều việc quan trọng cho Đảng tuy chỉ hoạt động được một năm (từ ngày về nước đến ngày bị bắt).

Mấy hôm sau khi gặp đồng chí Vây-ăng Cu-tuy-ri-ê, thì Bác chấp được liên lạc với đoàn thể. Nỗi vui mừng lúc đó không thể tả được.

“Ba năm lưu lạc lênh đênh

Nay đà trả lại trong đại gia đình công nông.”

*

* *

Tháng 7-1935, Quốc tế Cộng sản họp đại hội lần thứ 7. Đến dự Đại hội có đại biểu 65 đảng cộng sản. Đảng ta có đồng chí Lê Hồng Phong và Nguyễn Thị Minh Khai là đại biểu chính thức, Bác và vài đồng chí nữa là đại biểu dự khuyết.

Ở Đại hội, đồng chí Đê-mi-tơ-rốp (Dimitrov), Bí thư Ban Chấp hành Trung ương của Quốc tế Cộng sản, đọc báo cáo chính trị, phân tích sau sắc tình hình thế giới lúc bấy giờ: Bọn phát xít ngày càng điên cuồng. Nguy cơ chiến tranh ngày càng khẩn cấp. Để lãnh đạo giai cấp công nhân đấu tranh thắng lợi, nhiệm vụ của các đảng cộng sản là phải lập một mặt trận thống nhất nhân dân thật rộng rãi, bao gồm các đảng phái, các đoàn thể các phần tử có xu hướng yêu hoà bình, chống chiến tranh, chống phát xít. Đồng thời đại hội kêu gọi nhân dân các nước ra sức giúp đỡ những dân tộc đang đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc giành lại độc lập tự do.

Đồng chí Đê-mi-tơ-rốp (sinh năm 1882, mất năm 1949, thọ 67 tuổi), là lãnh tụ Đảng Cộng sản Bun-ga-ri, đồng thời là lãnh tụ phong trào công nhân quốc tế.

Năm 20 tuổi đồng chí tham gia Đảng “Công nhân Xã hội Chủ nghĩa” Bun-ga-ri. Trong thời kì hoạt động bí mật đồng chí đã bị bắt giam nhiều lần và 2 lần bị kết án tử hình vắng mặt. Năm 1935, cùng với các đồng chí trung ương khác, đồng chí Đê-mi-tơ-rốp lãnh đạo cuộc khởi nghĩa, tuy không thành công, nhưng đã có ảnh hưởng to lớn và thức tỉnh giai cấp công nhân Bun-ga-ri.

Năm 1933, đồng chí bị bắt ở Đức, bọn phát xít tìm đủ mọi cách để buộc tội, nhưng đồng chí đã gan dạ vạch trần tội ác của chúng trước toà án Lép-dích (Leipzig). Công nhân khắp các nước đều tổ chức biểu tình ủng hộ đồng chí. Chính phủ Liên Xô can thiệp mạnh mẽ để bảo vệ đồng chí, do đó đồng chí Đê-mi-tơ-rốp đã thoát khỏi xiềng xích phát xít và được trở về Liên Xô.

Năm 1935, đồng chí được bầu làm Tổng bí Thư Quốc tế Cộng sản và giữ chức vụ ấy đến năm 1943.

Trong cuộc đại chiến thế giới lần thứ II, Bun-ga-ri bị Đức chiếm đóng. Khi Hồng quân Liên Xô tiến vào Bun-ga-ri thì đồng chí Đì-mi-tơ-rốp cùng Trung ương Đảng lãnh đạo nhân dân lật đổ chính phủ phát xít thân Đức, và lập nên chế độ dân chủ nhân dân. Trong cuộc tổng tuyển cử, đồng chí được bầu làm thủ tướng đầu tiên của nước Cộng hoà Nhân dân Bun-ga-ri.

*

* *

Lần trước, năm 1925, Bác dời Liên Xô đi sang Trung Hoa lúc đó nhân dân Liên Xô ai nấy đều thắt lưng buộc bụng để xây dựng nước nhà. Về tinh thần ai nấy cũng hăng hái phấn khởi, nhìn về hạnh phúc mai sau. Nhưng về đời sống vật chất thì đang rất eo hẹp. Ở nhà, áo mặc, lương thực mọi thứ đều phải hạn chế nghiêm ngặt. Bác nhớ hồi đó Liên Xô đàn ông không ai đeo cavát, đàn bà ăn mặc rất giản đơn. Thường chỉ dùng một vuông khăn đỏ buộc đầu, thay cho mũ. Thanh niên thì tự động cấm uống rượu, cấm hút thuốc, cấm nhẩy đầm...

Lần này, năm 1935, Bác trở lại Liên Xô tình hình đã khác hẳn. Trong 10 năm qua nhân dân Liên Xô tiến những bước khổng lồ. Đời sống về mọi mặt đã tiến bộ nhiều lắm.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng Bôn-sê-vích, kế hoạch 5 năm lần thứ nhất đã hoàn thành vượt mức, kế hoạch 5 năm lần thứ hai đã bắt đầu. Ngay vài năm đầu, công nghiệp và thương nghiệp đã hoàn toàn xã hội chủ nghĩa, 75% nông hộ đã vào hợp tác xã (nông trang tập thể), chiếm 85% diện tích trồng trọt lương thực.

Nhờ sản xuất mọi thứ đầy đủ, cuối năm 1934 đã bỏ luật hạn chế mua sắm và các thứ ăn mặc. Phải nhớ rằng: Sau cách mạng thành công đã 17 năm, mới bỏ được hạn chế. Chỉ một điều đó đủ thấy những khó khăn lớn và quyết tâm vượt khó khăn của Liên Xô. Lúc đó chỉ một mình là nước xã hội chủ nghĩa, bốn bề bị các nước đế quốc bao vây. Thắng lợi đó là do chí khí hăng hái lao động quên mình của nhân dân Liên Xô. Trong cuộc thi đua xã hội chủ nghĩa hơn 5 triệu công nhân thanh niên là “đội viên đột kích”. Phong trào Sta-kha-nốp là tên một người công nhân mỏ đầu tiên đào được 102 tấn than trong một kíp, vượt mức 13 lần. Về sau nhiều người còn đạt mức cao hơn nữa.

Trong kế hoạch năm năm lần thứ hai, nhà nước quy định tăng năng suất lao động 62%, nhưng công nhân đã tăng năng suất đến 82%. Nhờ vậy kế hoạch đã hoàn thành vượt mức trước thời hạn 9 tháng so với trước chiến tranh (1913), tổng sản lượng công nghiệp

tăng gấp 7 lần, về nông nghiệp thì số hộ xã viên nông trang tập thể chiếm 93% tổng số ruộng đất.

Nói tóm lại, từ một nước nông nghiệp lạc hậu, Liên Xô đã trở nên một nước hùng mạnh có công nghiệp tiên tiến và nông nghiệp tập thể.

Kinh tế tiến lên thì thành phần trong xã hội cũng thay đổi, pháp luật cũng do đó mà thay đổi. Cho nên cuối năm 1936, Xô Viết Tối cao đã ban hành hiến pháp mới, một hiến pháp dân chủ nhất trên thế giới.

Trước kia Bác quen thuộc Mát-xcơ-va. Nhưng lần trở lại Mát-xcơ-va có hơi ngỡ ngàng vì cái gì cũng mới, nhà cửa, đường xá... cho đến báo chí cũng đều đổi mới. Những em nhi đồng Bác quen biết trước nay đều là các chiến sĩ Hồng quân hoặc là sinh viên đại học. Những bạn Cô-mô-sô-môn (thanh niên cộng sản), nay đều là bác sĩ, công trình sư... và đều được vinh dự vào Đảng. Lúc đó, Đảng Bôn-sê-vích có hơn 2 triệu 80 vạn đảng viên.

*

* *

Từ sau 1930 tình hình thế giới ngày càng khẩn trương, nó giống như một chuỗi bom nổ chậm khổng lồ liên tiếp nổ năm này sang năm khác.

- Năm 1913 phát xít Nhật xâm chiếm miền đông bắc Trung Quốc và lập ra cái gọi là “Nước Mãn Châu”.
- Năm 1933, lũ quỷ khát máu phát xít Hitle cướp chính quyền ở Đức, chúng thẳng tay đàn áp phong trào cách mạng trong nước và ra sức chuẩn bị chiến tranh.
- Năm 1935, phát xít Ý xâm lược nước A-bi-xi-li (ở Châu Phi).
- Năm 1936, bọn phát xít Đức và Ý giúp tên phát xít Phơ-răng-cơ (Franco) đánh cách mạng Tây Ban Nha.

Cũng trong năm ấy, phát xít Đức, Ý, Nhật kí hiệp định “liên minh chống cộng”, về sau liên minh này bị đập tan.

- Năm 1937 quân đội phát xít Nhật đánh chiếm thêm các tỉnh Trung Quốc.
- Năm 1938 hòng xoa dịu phát xít Đức-Ý và ngấm ngấm khuyến khích chúng quay mũi nhọn chiến tranh sang phía Liên Xô, hai chính phủ Anh và Pháp ký với nhau một bản hiệp định ở thành phố Mui-ních (Munich, Đức) nhượng bộ chúng về mọi mặt.

Liên sau đó phát xít Đức chiếm nước Áo.

Năm 1939, phát xít Đức chiếm nước Tiệp Khắc... rồi bắt đầu đánh Pháp và Anh. Đế quốc Anh và Pháp đã làm to... Những tưởng dùng chính sách nhân nhượng thì bọn phát xít Đức-Ý sẽ nể nang họ, nào ngờ khi chúng có dịp thì chúng choảng ngay vào đầu Anh và Pháp.

Năm 1940 chỉ trong mấy tuần Pháp đã mất thủ đô Pa-ri và một nửa nước, và phải quỳ gối đầu hàng; Anh thì bị máy bay Đức bắn phá tan hoang, làm cho “thất điên bát đảo”. Phát xít Đức chiếm

được các nước Tây Âu rồi quay sang chinh phục các nước Đông Âu.

Bên châu Á thì phát xít Nhật chiếm hết cả Trung Quốc (vì Tưởng Giới Thạch chỉ lo “giật công” chứ không chống lại Nhật), hất cẳng thực dân Pháp ở Đông Dương, đuổi thực dân Anh khỏi Hương Cảng, Miến Điện, Mã Lai; đuổi thực dân Mỹ và chiếm luôn Phi-lip-pin...

Năm 1941, bọn phát xít Đức-Ý-Nhật đã khoe khoang:

Tung hoành châu Á, châu Âu

Dọc ngang nào biết trên đầu có ai

Với sức người, sức của chúng đã cướp được ở các nước kia, với chủ quan điên rồ tưởng rằng chúng là “vô địch”, tháng 6 năm 1941 phát xít Đức bất thành linh tiến công vào Liên Xô, chúng gọi là “chiến tranh chớp nhoáng”.

Trước tình hình đó những người yếu bóng vía vừa lung lay nhản mặt, thở dài bi quan, thất vọng. họ kêu rên: “Ồi thôi ời, phát xít mạnh quá, chắc chúng sẽ thắng thôi!”, song những người cách mạng chân chính trông rộng thấy xa thì không bi quan chút nào. Họ tin một cách chắc chắn “Liên Xô nhất định sẽ thắng!”.

*

* *

Cách Bác đi đường là như thế này: Buổi sớm, cố gắng đi quá một nửa đường. Buổi chiều thì đi thông thả, hễ nơi nào có phong cảnh đẹp thì nghỉ lại vài phút để ngắm nghía; và nếu có dịp nói chuyện với đồng bào.

Nhân lúc tạm nghỉ, tôi mạnh dạn nói: “Thưa Bác, chúng cháu chỉ biết chung chung rằng phát xít là hung ác, nhưng chúng hung ác như thế nào thì không rõ”...

Bác nói:

Phát xít Đức là một hình thức phản động nhất, hung ác nhất của chuyên chính tư bản đế quốc. Vì chúng không thể thống trị bằng cách giả nhân giả nghĩa, giả dân chủ như thời xưa nữa. Chúng khủng bố một cách cực kỳ ghê tởm, cực kỳ dã man tất cả những người và những đoàn thể tiến bộ, dân chủ và yêu chuộng hoà bình. Chúng đặt ra cái thuyết “nòi giống”: Người Đức là nòi giống cao quý, trời sinh ra họ để trị vì thiên hạ. Người các nước khác đều là nòi giống dê hèn, phải chịu phát xít Đức thống trị. Người Do Thái là nòi giống ma quỷ, phải tiêu diệt cho kỳ hết! Chủ nghĩa phát xít đã gây ra chiến tranh thế giới thứ hai, để giết trên 30 triệu người, thiêu huỷ hàng ngàn thành phố và hàng vạn làng mạc. Biết bao nhiêu là tài sản quý báu do lao động và trí tuệ của nhân dân từ nhiều thế kỷ xây dựng nên đã bị phá hoại sạch. Hơn 6 triệu người Do Thái đã bị chúng thiêu chết.

Do Thái là một dân tộc ở rải rác khắp các nước phương Tây, nổi tiếng tiết kiệm và buôn bán giỏi. Ngay lúc bắt đầu chiến tranh, Him-ler (tên giúp việc số 1 của Hít-le) ra lệnh cho quân đội phát xít Đức: “Bắt được người Do Thái thì giết sạch”.

Nếu bắn thì phải tốn nhiều đạn và nhiều công, chúng bèn bày ra cách thiêu. Ở nhiều nơi tại nước Đức, và các nước bị chiếm, chúng xây dựng những lò hơi ngạt. Đánh chiếm đến đâu, chúng cướp hết của cải, và bắt hết người Do Thái đến đó. Bất kỳ gái, trai, già trẻ, bất kỳ nông công thương, chúng lừa họ hàng nghìn, hàng vạn người chồng chất lên xe lửa, khoá chặt cửa xe lại, rồi chở đến nhưng nơi

có lò thiêu. Dù đường xa, xe chạy suốt ba, năm ngày họ cũng không được ăn uống gì hết. Khi đến nơi, đã có nhiều người chết đói, chết ngạt... Chúng chọn một số người có sức khỏe để đi làm khổ sai ở các nhà máy và các đồn điền Đức. Vì đói rét và bị đánh đập tàn nhẫn, sau vài tháng nếu không chết mòn, chết mỗi thì cũng kiệt sức không lao động được nữa, họ cũng bị đưa đến lò thiêu. Đại đa số Do Thái bị thiêu ngay.

Trước khi bước vào lò thiêu, họ phải cởi truồng hết. Áo quần giày dép của họ bị bọn phát xít chọn lọc sắp xếp tử tế để gửi về Đức.

Mỗi lần mỗi lò thiêu được độ 800 người. Người vào xong rồi, lửa lò khoá lại, hơi ngạt mở ra. Sau mười phút hấp hối quay cuồng, mọi người chết queo hết.

Chúng đưa xác chết ra, chúng cắt lấy tóc đàn bà chở về nhà máy dùng làm dây thừng hoặc độn nệm. Chúng khám miệng thầy chết để nhổ lấy răng vàng. Chúng chọn những thầy người béo để lấy mỡ nấu dầu, nấu xà phòng. Thầy người gầy thì chúng đốt làm phân bón ruộng... Nói tóm lại bọn phát xít giết người một cách rất “khoa học”. Chúng tính ra bình quân mỗi người bị thiêu chết đưa lại cho chúng 1.631 đồng Mác (tiền Đức).

Chỉ một lò thiêu ở Biéc-cơ-nao (Birkenau), mỗi ngày thiêu chết 24.000 người Do Thái, từ đầu năm 1942 đến giữa năm 1944 hơn 2.110.000 người Do Thái đã bị thiêu chết ở cái lò này!

Tóm lại, chủ nghĩa phát xít là hung tàn, bạo ngược xấu xa như thế đó.

*

* *

Mùa đông năm 1983, Bác trở lại Trung Quốc. 13 năm trước đây lần đầu tiên Bác đến Trung Quốc và lần này Bác lại đến Trung Quốc, hai hoàn cảnh khác nhau xa về mọi mặt.

Lần trước, Bác đến Quảng Đông, lần này Bác đến Thiểm Bắc.

Lần trước bọn quân phiệt đang đánh nhau lung tung. Lần này nhân dân Trung Quốc đang chiến tranh chống phát xít Nhật.

Lần trước, Đảng Cộng sản mới ra đời, lực lượng chưa có mấy. Lần này Đảng Cộng sản đã mạnh lắm và có nhiều kinh nghiệm lắm.

Cuối năm ngoái (1937) Đảng Cộng sản lập lại Mặt trận Thống nhất, lại hợp tác với Quốc dân Đảng để cùng nhau chống giặc Nhật. Do đó, Hồng quân đổi tên là Bát lộ quân, và Tân tứ quân. Đối với vấn đề nông dân, thì chính sách của Đảng trong thời kỳ kháng chiến là thực hành giảm tô giảm tức, tạm thời không tiếp tục cải cách ruộng đất...

Hôm đầu tiên Bác đến Tây An được các lão đồng chí hoan nghênh nhiệt liệt. Mà cũng là hôm đầu tiên phải “chạy máy bay” Nhật đến ném bom.

Tây An là một thành phố có nhiều di tích lịch sử xưa cũ hơn ba, bốn nghìn năm, và có nhiều phong cảnh xinh đẹp. Nhưng trong hoàn cảnh chiến tranh, có thời giờ đâu, có tâm trạng đâu mà đi xem! Tuy vậy Bác vẫn thấy được một điều lạ: rất nhiều chim quạ đen. Lúc trời gần tối có hàng chục vạn con quạ từ bốn phương bay đến, đổ kín các mái nhà và ngọn cỏ thụ trong công viên. Sáng sớm chúng xuống đổ kín mặt đất, nháy nhót và kêu quạc quạc ầm lên như cãi nhau, rồi từng nhóm kéo nhau bay qua mỗi nhóm một phương trời. Trông thấy bầy quạ, Bác nhớ lại câu ca dao:

“Quạ nào mà chẳng đen lông

Địa chủ nào mà tốt với bản cổ nông bao giờ.”

Ở Tây An vài hôm rồi đi Diên An. Bác cùng mấy đồng chí Trung Quốc phụ trách “hộ tống” mấy ngày chiếc xe chở vài rách (mua về để bện dép) đến Diên An. Xe này không phải là xe hơi mà cũng

không phải là xe bò, vì nhiều khi phải dùng một ngựa, một lừa và một trâu cùng kéo. Mỗi ngày chỉ đi được vài chục cây số. Tối đến, trọ ở nhà nông dân; tiền phòng ngủ và tiền ăn (ăn miễn, ăn nhiều ít tùy ý) chỉ tốn 2 hào. Đi đủng đỉnh chậm chạp như thế có hơi mệt. Nhưng lại được nhiều điều thú vị.

Trên đường, gặp nhiều nhóm thanh niên, trai có, gái có số đông là trí thức, từ các nơi lũ lượt kéo nhau đi Diên An. Phần thì vì không quen lao động, phần thì vì đi bộ đã nhiều ngày, lắm người mỗi mệt, hầu như phải lê từng bước. Nhưng họ hướng về Diên An, trung tâm cách mạng, như các tín đồ hướng về “đất thánh”. Họ quyết vượt mọi gian khổ, đi cho đến nơi. Họ chia thành từng nhóm, giúp đỡ lẫn nhau. Hai bên đường, trên gốc cây và tảng đá, thường có những khẩu hiệu viết bằng phấn hoặc bằng than: “Anh chị em ơi! Gần đến X rồi! Cố gắng lên thôi!...”

Bác có gặp một nhóm thanh niên Hoa kiều đi bộ từ Xiêm về. Bác thân mật nói chuyện về bảo vệ họ: lấy nước tiểu bóp chân cho đỡ mỏi; vừa đi đường vừa kể chuyện hoặc ca hát cho khuây khoả...

Từ Tây An đến Diên An có nhiều vùng “xôi đổ”: Những huyện “trắng” thuộc Quốc dân Đảng. Những huyện “đỏ” thuộc về ta. Cũng có huyện nửa “trắng” nửa “đỏ”, ở đấy vì huyện trưởng thường là “trắng”, mọi việc dân cứ tìm đến cán bộ đỏ, cho nên “quan huyện” rất nhàn hạ như câu hát:

*“Chiều chiều quan huyện ra câu,
Cái ve, cái chén, cái bầu sau lưng...”*

Thanh niên học sinh các nơi tìm vào Diên An, lúc đi qua vùng trắng, có khi bị bọn Quốc dân Đảng bắt cóc làm mất tích.

Ở vùng trắng, dọc đường thường có lính Quốc dân Đảng cầm súng gác. Ở các trạm vùng đỏ, do nông dân hoặc thanh niên phụ nữ, đôi khi các em nhi đồng cầm dao dài ngù đỏ canh phòng.

Một buổi trưa trời nắng, Bác đang nghỉ trong một cái quán. Khi cơm mới sôi, thì chị nhà hàng hỏi hủ mang nồi chạy ra sau vườn. Ngoài đường phố một toán lính Quốc dân Đảng đang khệnh khạng kéo đi, sau mười phút, bà chị lại hăm hờ mang nồi cơm về. Bác hỏi: “Cơm đang sôi, sao thấy chị mang chạy?” Chị nhà hàng khẽ trả lời:

“Các đồng chí mới đến không biết chúng ăn đã không có tiền thì chớ, chúng còn đánh đập người ta nữa là khác!”.

“Chúng” tức là bọn binh sĩ Quốc dân Đảng. Dân gian ở đây có câu: “Nhất binh nhì phỉ, vợ vết thật kỹ, nhất phỉ nhì binh”.

Cùng trên một đường phố thị trấn H, Bát lộ quân và Quốc dân Đảng cũng có đặt trạm mộ binh mới. Bên trạm “Bát lộ” thì người đến đăng ký đông kìn kịt. Bên trạm “Quốc dân” chẳng có ai vào, tên trạm trưởng bèn nghĩ ra một diệu kế - nó trang hoàng trạm nó giống hệt như trạm “Bát lộ”. Kết quả có người vào ngay. Nhưng người vào rồi người lại ra, ra để vào trạm “Bát lộ”... Hơn nữa, nhiều lính Quốc dân Đảng bí mật trốn theo Bát lộ quân...

Nhìn qua những việc nhỏ bé, người ta cũng thấy được lòng dân hướng về ai.

Đi độ một tuần thì đến Diên An.

Diên An là một thị trấn thường, ở địa phận núi, nhà cửa không nhiều mấy, nhưng số người lại rất đông. Đại đa số ở nhà “hầm”, tức là xuyên núi đất thành những tổ tò vò khổng lồ, hàng chục người ở được. Nhà hầm có cái ưu điểm là mùa đông thì ấm, mùa hè thì mát. Những dãy nhà hầm chạy theo chân và sườn núi. Học sinh và bộ đội ở nhà hầm. Các đồng chí lãnh tụ đảng và chính phủ cũng ở nhà hầm.

Bác nói: Đến Diên An, trong lòng rất phấn khởi, nhưng không khỏi ngỡ ngàng ít nhiều. Thí dụ: Lúc đầu không phân biệt được ai là bộ đội, ai là học sinh, ai là chỉ huy, ai là cán bộ, thậm chí không phân biệt được ai là đàn ông, ai là đàn bà! Thật vậy, vì mọi người đều ăn mặc gọn gàng và một kiểu như nhau: áo quần nhuộm màu chàm, và giày vải... Máy ký giả nước ngoài đã tặng đồng chí Chu Đức cái danh hiệu “Hoả đầu phu tướng quân” vì Chu tổng tư lệnh cũng mặc như người đầu bếp.

Ăn thì một ngày hai bữa cơm gạo mạch vó với cà rốt và củ cải. Lúc đầu Bác chưa quen, ăn không được. Nhưng vài hôm sau dần dần ăn được, vì như câu tục ngữ nói: “Đói, thì muối cũng ngon”.

Cứ cách mười hôm lại có bữa “ca xôi” (thêm rau). Các “anh nuôi” khéo tiết kiệm. Khoảng mười ngày cộng lại một lần, tiết kiệm được

bao nhiêu đều dùng vào “ca xôi”: cơm trắng với cá, thịt, vịt, gà... như một bữa tiệc no.

Về mặt vật chất, Diên An là một nơi cực kỳ giản đơn, chất phác, khắc khổ. Về mặt tinh thần thì Diên An là một “Trời đất tự do” cực kỳ vui vẻ, sôi nổi, phấn khởi, khẩn trương. Ai cũng tăng gia, ai cũng học tập.

Trường học to nhất là “Kháng đại” (Kháng Nhật quân chính đại học) trong mấy năm đã đào tạo 20 vạn cán bộ quân sự và chính trị. Nhà trường trống rỗng, không ghế không bàn. Khi lên lớp mỗi học sinh mang theo một cái ghế con con để ngồi; khi ghi chép thì học sinh kê sách lên đầu gối mà viết.

Lúc đó Diên An là nơi tổng chỉ huy của 18 vạn quân đội cách mạng và 8, 9 khu giải phóng ở Hoa Bắc và Hoa Trung. Một không khí bông bột lạ thường bao trùm tất cả mọi người và biểu lộ ra trên nét mặt của mỗi một người. Đoàn kết, phấn đấu, thắng lợi – đó là chí khí của Diên An, nó thật xứng đáng với cái tên vẻ vang mà nhân dân Trung Quốc tặng cho nó: “Thánh địa cách mạng”.

Gần Diên An có mấy di tích lịch sử nổi tiếng: Lăng Hoàng đế (Hoàng đế là tên một vị vua có công đức với dân, cách đây khoảng 5.000 năm) “Đỗ Phủ xuyên” là con suối mà đời xưa đại thi sĩ Đỗ Phủ thường đi đến; có Bửu tháp trên núi Gia Lăng. Khi đi gần Cam Tuyền. Bác nhớ lại câu “Khói Cam Tuyền mờ mịt thức mây” trong *Chinh phụ ngâm* nổi tiếng.

Vội đi Hoa Nam cho gần nước ta hơn. Bác chỉ ở lại Diên An hai tuần, rồi trở lại Tây An. Lần này đi cùng năm chiếc xe hơi chở học sinh, cán bộ trung cấp và cao cấp. Khi đi qua vùng “trắng” X, bọn đặc vụ Quốc dân Đảng bắt xe dừng lại và lục soát, rồi chúng dọa giữ xe và người lại. Đồng chí Lâm Bưu bảo chúng đại ý: “Chúng tôi đi có việc và rất quan trọng. Nếu muốn giữ chúng tôi lại, thì các anh phải viết giấy rõ ràng...” Trước thái độ cứng cỏi đó, bọn đặc vụ không dám lời thôi nữa.

Việc này lại một lần nữa phơi bày sự đê hèn của bọn Tưởng.

Đến Tây An, Bác đi Quảng Tây, vì Quảng Đông hồi đó bị giặc Nhật chiếm rồi. Cùng đi chuyến ấy có đồng chí L. là cán bộ Đảng.

Để cho có vẻ, đồng chí L. ra vai quan trưởng, Bác thì làm vai lính hầu của L.

Ở Quế Lâm (tỉnh lỵ Quảng Tây) có biện sự xứ và một đơn vị nhỏ của Bát lộ quân, Bác vừa tham gia công việc Bát lộ quân, vừa tìm cách liên lạc với trong nước. Các đồng chí Trung Quốc giúp Bác nhiều trong việc này.

Khi đơn vị Bát lộ quân mới đến đóng ở ngoại ô Quế Lâm, nhân dân địa phương tỏ vẻ lạnh nhạt, vì họ đã bị Quốc dân Đảng tuyên truyền. Nhưng ra sức thực hành khẩu hiệu “Hết lòng giúp đỡ nhân dân”, cho nên không bao lâu thì cảm tình giữa Bát lộ quân và bà con địa phương trở nên “như cá với nước”.

Bác được đơn vị bầu làm chủ nhiệm Câu lạc bộ. Câu lạc bộ vừa là một cơ quan văn hoá của đơn vị, vừa là cơ quan tuyên truyền đối với nhân dân địa phương.

Được ít lâu, Bác đi Hành Dương với đồng chí tướng quân Diệp Kiếm Anh. Vì Bát lộ quân và Tân tứ quân khéo dùng chiến thuật du kích, luôn luôn thắng lợi trước mặt trận cũng như sau lưng địch. Ngày bắt đầu chống Nhật, hai quân đội ấy chỉ có độ 4 vạn chiến sĩ; năm 1938 đã phát triển đến hơn 18 vạn người, đã thu phục lại nhiều nơi bị Nhật chiếm vì quân Quốc dân Đảng bỏ chạy, đã mở nhiều khu giải phóng rộng lớn, và đương đầu với hơn 40 vạn quân Nhật. Còn quân Quốc dân Đảng thì liên tiếp thua trận này đến trận khác. Thấy vậy, Tưởng Giới Thạch bèn nhờ Bát lộ quân dạy chiến thuật du kích cho một số sĩ quan của hắn. Đồng chí Diệp Kiếm Anh lãnh đạo một số đồng chí giáo quan phụ trách trường huấn luyện ấy.

Bác được bầu làm bí thư chi bộ, kiêm việc nghe đài phát thanh lấy tin tức quốc tế làm tài liệu huấn luyện thời sự cho đơn vị. Cả hai công việc đều mới lạ, nhưng cũng đều thú vị.

Trong chi bộ thì tướng có, binh có, trai có, gái có; tiếng nói đông, tây, nam bắc đều có. Trong đơn vị thì có chiến sĩ cũ, có chiến sĩ mới, có một số không phải đảng viên, chi bộ đều phải săn sóc họ. Việc thì việc lớn, việc nhỏ từ việc ăn uống, học tập, giải trí, kỷ luật cho đến việc riêng của mọi người đều tìm đến bí thư. Bác cùng hai đồng chí phó bí thư (phụ nữ) làm việc suốt ngày.

Việc nghe radiô cũng không dễ, vì lần này là lần đầu tiên mó tay đến máy thu thanh, không biết đài nào phát giờ nào và làn sóng nào, Bác thức suốt năm đêm, vặn đi vặn lại tìm nghe. Đến khuya đêm thứ sáu mới nghe được đài Luân Đôn.

Trường huấn luyện du kích, kết quả thế nào? Muốn đánh du kích thì phải dựa hẳn vào lực lượng của nhân dân, phải được nhân dân yêu mến và giúp đỡ. Muốn đạt được mục đích đó thì mỗi đội viên du kích phải yêu kính nhân dân, giúp đỡ nhân dân, cùng nhân dân đồng cam cộng khổ, đoàn kết thành một khối. Đảng này quân Quốc dân Đảng đều thuộc giai cấp bóc lột, quen thói hà hiếp nhân dân, họ không thể hành được cái họ đã học. Kết quả là “Chữ thầy lại trả thầy”.

Bọn Tưởng Giới Thạch đánh Nhật thì rất nhát, chống cộng lại rất hăng. Âm mưu của chúng là mượn tay phát xít Nhật để tiêu diệt quân đội cách mạng. Không ngờ Bát lộ quân và Tân tứ quân càng ngày càng đánh sâu vào sau lưng địch, mở rộng khu giải phóng phát triển bộ đội mình, và thế lực ngày càng mạnh.

Âm mưu nham hiểm kia đã thất bại, cuối năm 1939, Tưởng Giới Thạch công khai mở cuộc chống cộng, phái quân đánh vào Biên khu là nơi Trung ương Đảng Cộng sản đóng, và đánh vào những vùng thuộc phạm vi Bát lộ quân và Tân tứ quân. Đảng Cộng sản vừa phải đánh Nhật, vừa phải chống Tưởng, lại vừa phải khôn khéo giữ gìn cho Mặt trận Thống nhất khỏi tan vỡ.

*

* *

Trung Quốc đang ở trong vùng binh lửa, thì lửa chiến tranh bắt đầu cháy ở châu Âu. Thế là thảm họa chiến tranh lan hầu khắp thế giới...

Từ năm 1936, Mặt trận Bình dân Pháp thắng thế và lên nắm chính quyền. Do đó, ở Việt Nam ta xiềng xích thực dân cũng được nói lỏng đôi chút. Một số đồng chí tù đầy đã được thả về và tiếp tục hoạt động. Cơ sở Đảng được dần dần khôi phục. Phong trào quần chúng dần dần lên cao.

Cuối năm 1939, vì tình hình chiến tranh, lại vì Đảng Xã hội Pháp ươn hèn, chính phủ Mặt trận Bình dân Pháp bị đổ, bọn phản động lên cầm quyền. Thực dân Pháp ở Việt Nam lại tung hoành như cũ. Chút đỉnh tự do mà nhân dân ta đã giành được trong mấy năm qua đều bị chúng xoá sạch. Lại khủng bố. Lại vợ vét, lại bắt lính, bắt phu. Đảng ta phải đi vào hoàn toàn bí mật.

Ở Pháp có phòng tuyến Ma-gi-nô chạy dọc biên giới Pháp-Đức. Xây dựng ở dưới đất có 3 tầng, bằng xi măng cốt sắt. Kho đạn, kho lương, nước máy, đèn điện... các thứ đều đủ. Tại phòng tuyến này có một triệu quân. Tướng tá Pháp khoe khoang rằng: Địch có cánh cũng không bay qua được. Nhưng chỉ trong vài tuần, quân Đức đã bao vây kín phòng tuyến này bắt sống cả một triệu binh lính và mấy trăm ông tướng làm tù binh. Thế rồi ào ạt kéo quân chiếm lấy thủ đô Pa-ri và một nửa nước Pháp. Tháng 6-1940, Pháp ở "nước mẹ" đầu hàng Đức. Tiếp đến thực dân Pháp ở Đông Dương cũng đầu hàng Nhật. Giặc Nhật kéo vào Việt Nam, từ đó đồng bào ta bị một cổ hai tròng!

Không thể khoan tay ngồi chịu, đồng bào ta liên tiếp khởi nghĩa ở Bắc Sơn (9-1940), ở Nam Kỳ (11-1940) và ở Đô Lương (Nghệ An). Những tin tức sôi nổi ấy làm cho Bác càng nóng ruột.

Ở biên giới Quảng Tây không chấp được liên lạc, các đồng chí Trung Quốc giúp cho Bác đi Vân Nam. May mắn thay! Đến Côn Minh thì gặp các đồng chí Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp, Hoàng Văn Hoan và mấy đồng chí nữa. Thế nào chuyến này cũng nhất

định về nước để bàn định kế hoạch xong, mấy anh em cùng nhau đi trở lại Quảng Tây. Cùng đi trên thuyền có mấy Việt kiều khác. Để giữ bí mật, Bác đóng vai một người viết báo Trung Hoa, không biết tiếng Việt. Nhưng một hôm đồng chí Hoan để tàn thuốc rơi xuống áo mà không biết, Bác quên cả bí mật mà thốt ra: “Cháy áo, cháy áo kìa!”.

Nghe đến đây chúng tôi cười ồ lên. Bỗng vắng vắng nghe: tiếng trẻ con hát từ đường xa vọng lại. Nhìn sang bên kia đường, chúng tôi thấy chên chên bên sườn đồi có hơn một chục ngôi nhà, nấp gọn kín dưới những cây đa rậm rạp. Bác cùng chúng tôi ghé vào thăm.

Trong một ngôi nhà tranh bé nhỏ, nhưng xinh xắn và sạch sẽ, có mấy dãy ghế dài bằng tre, hơn hai mươi em trai và gái trạc 10 tuổi, đang học ê a. Cô giáo là người Tày, mặt mũi thông minh và hiền hậu. Thấy chúng tôi vào, các em vui mừng và kêu ầm lên: “Các chú bộ đội, các chú bộ đội”.

Với một giọng nghiêm trang, cô giáo bảo: “Các em giữ trật tự”.

Các em im phăng phắc. Cô giáo bảo: “Các em ra sắp hàng!”.

Các em ra sắp hàng hai. Cô giáo bảo: “Nghiêm! Các em chào các chú bộ đội!” Các em đồng thanh hô to: “Chào các chú ạ!”.

Bác xem sách các em và khen các em viết chữ khá. Bỗng thấy bên cạnh cái bàn nhỏ của cô giáo, có một cháu bé ngồi trong cái nôi. Cháu bé vạm vỡ, rất dễ thương. Bác bế nó lên, nó không sợ lạ mà lại cười. Bác hỏi cô giáo: “Cháu này là con của cô, phải không?”. Cô giáo then đỏ cả mặt ngập ngừng trả lời: “Thưa không phải ạ! Chị hàng xóm gửi cháu ở đây để đi làm nương đấy ạ”.

Đang nói chuyện thì nghe có tiếng máy bay. Bác hỏi: “Các cháu có sợ máy bay giặc không?”. Các em tranh nhau trả lời: “Thưa không ạ! Các cháu không sợ. Các cháu có hầm trú ẩn đằng kia kìa!”.

Bác hỏi: “Các cháu biết hát không?”. Các em thưa: “Hát bài 'Kết đoàn' ạ!” Rồi Bác cầm nhịp: “Kết... ết đo... oàn... Hai... Ba!” Các em hát, cô giáo cũng hát. Chúng tôi cũng hát.

Trước khi từ giã đi ra, Bác quay lại hỏi cô giáo: “Cô biết 'khôn hé' là ai không? “Như không nén nổi tấm lòng sung sướng, cô giáo Thìn

chạy lại ôm chầm lấy Bác và nói với một giọng cảm động: “Thưa có biết chứ! Nhưng cháu phải giữ bí mật cho Bác!”.

Cô Thìn và các em tiễn chúng tôi đến đường cái quyền luyến mãi không muốn rời tay...

Ra đến đường cái Bác lại tiếp tục kể chuyện:

Khi từ Côn Minh đến Tĩnh Tây, thì gặp một nhóm thanh niên Cao Bằng, dẫn đầu là các đồng chí Quảng Ba, Hoàng Sâm... Họ sang đây tìm người lãnh đạo cách mạng và đã gặp Trương Bội Công.

Trương Bội Công là người Việt Nam sang Trung Quốc và làm việc cho Quốc dân Đảng đã lâu năm. Tuy không hiểu biết gì về quân sự, nhưng y đã được Tưởng Giới Thạch phong cho hàm thiếu tướng. Nay Tưởng phái y đến biên giới, nhằm lung lạc cách mạng Việt Nam. Gặp nhóm thanh niên, Trương Bội Công khoe khoang nhiều lắm, lên mặt “chí sĩ yêu nước, cách mạng lão thành” và sẵn sàng thu nạp đám thanh niên làm “bộ hạ” cho y.

Nhưng anh em thanh niên cũng tinh quái đáo để. Chỉ nghe cách y nói khoác lác, họ cảm thấy y không phải là người cách mạng chân chính. Họ thất vọng. Họ sắp kéo nhau trở về Cao Bằng, thì nhóm Bác vừa đến Tĩnh Tây. Các đồng chí Đồng, Giáp... tìm gặp nói chuyện với đám thanh niên hăng hái đó. Giải thích cho họ rõ bước đường cách mạng hiện nay. Bàn với họ mở ban huấn luyện, v.v... Anh em thanh niên rất hoan nghênh. Nói ngay, làm ngay. Tối hôm đó họ rời khỏi Tĩnh Tây. Sáng hôm sau, Trương thiếu tướng ngủ dậy thì không thấy “bộ hạ” của y đâu nữa, cho người đuổi theo, thì muộn quá rồi!

Đồng chí Lê Quảng Ba dẫn Bác và nhóm thanh niên đi cả đêm, đến một làng Trung Quốc gần biên giới Việt Nam, mượn nhà người quen, mở ban huấn luyện, do Bác phụ trách. Lớp huấn luyện rất sôi nổi, dân chủ và vui vẻ. Bà con Trung Quốc trong làng không hiểu chúng mình dạy cái gì, học cái gì, nhưng đều khen thanh niên Việt Nam đoàn kết, chăm học, siêng làm. Bà con trong làng nhất là những người cho mượn nhà rất mến chúng ta. Vì vò nước bao giờ cũng đầy, đồng cửi bao giờ cũng cao, nhà cửa bao giờ cũng sạch, trong nhà có việc gì chúng ta cũng ra tay làm giúp. Đặc biệt các em

nhi đồng luôn luôn xoắn xít chung quanh anh em ta để học hát, học nhảy múa, không nghịch ngợm, và đánh nhau như trước nữa. Chúng ta đã góp phần làm cho cái làng tĩnh mịch trong một thung lũng âm u vui hẳn lên... Bác bảo các đồng chí thanh niên: “Đó là một cách dân vận thiết thực đấy”.

Vào khoảng tháng 2-1941, vừa đến Tết âm lịch thì ban huấn luyện cũng vừa kết thúc. Tối mùng một Tết, được tin chuyên viên Quốc dân Đảng sắp đến kinh lý vùng này. (Tin này sau hoá ra tin vịt.) Sợ bị lộ, sáng sớm mùng hai Tết, Bác cùng tất cả anh em thanh niên cuốn gói chuồn, mặc dù bà con trong làng khẩn khoản mời ở lại ăn Tết đến ngày hạ nêu hăng đi.

Hôm đó, sương mù dày đặc, ngồi giáp mặt nhau cũng không thấy rõ nhau. Mọi người cho khí hậu như thế là tốt, vì để giữ bí mật. Đi cách làng một thôi khá xa, ai cũng mỏi chân và đói bụng. Bác bảo: “Nơi đây kín đáo, chúng ta ngồi nghỉ một chốc...” Nghỉ chưa đầy hai phút thì trời sáng sương tan. Té ra ngồi nghỉ giữa cánh đồng ruộng, chẳng kín đáo chút nào! Mọi người lại vội vàng khoác gói lên đường, bước nhanh hướng về phía Tổ quốc.

Chiều hôm đó, đồng chí Quảng Ba dẫn Bác và cả nhóm thanh niên về Pác Bó. Xa rời Tổ quốc đã hơn 30 năm. Đã mất bao nhiêu thời giờ và sức lực tìm liên lạc mà không được. Bao nhiêu năm thương nhớ, đợi chờ. Hôm nay mới bước chân về nơi non sông gấm vóc của mình. Khi bước qua cái bia giới tuyến, lòng Bác vô cùng cảm động. Từ hôm đó, cái hang Pác Bó trở nên “đại bản doanh” của chúng ta. Hội nghị lần thứ tám của Trung ương đã khai mạc ở Pác Bó. Ở đó đã tổ chức những ban huấn luyện ngắn ngày để đào tạo cán bộ. Mở lớp dạy chiến thuật du kích, phát triển tổ chức Việt Minh và cơ sở Đảng, đặt kế hoạch vũ trang chống Pháp, chống Nhật, v.v... Những việc đó đã có nhiều đồng chí thuật lại, chắc các chú đã được nghe rồi. Bây giờ Bác chỉ kể những chuyện mà các chú chưa biết hoặc ít được nghe, tức là cuộc kháng chiến của Trung Quốc và cuộc Chiến tranh Thế giới lần thứ hai.

*

* *

Trong cuộc kháng chiến vô cùng gay go mà cũng vô cùng anh dũng, lực lượng của Đảng Cộng sản Trung Quốc phát triển rất nhanh; từ ngày bắt đầu chống Nhật - số đảng viên là 4 vạn người, năm 1940 tăng lên 80 vạn người. Tân tứ quân từ một vạn người tăng lên 10 vạn người.

Lực lượng cộng sản càng phát triển, thì bọn Tưởng Giới Thạch càng lo sợ và tìm đủ mọi cách để phá hoại.

Năm 1941, ở châu Âu, phát xít Đức phản bội điều ước đã ký kết, bắt thành lính kéo quân ào ạt vào Liên Xô. Ở châu Á, phát xít Nhật cũng mở rộng cuộc chiến tranh ở Thái Bình Dương. Để khỏi bận bịu nhiều về hậu tranh ở Trung Quốc, phát xít Nhật dùng phần lớn quân đội đi càn quét các khu giải phóng. Có khi chúng càn đi càn lại luôn ba, bốn tháng liền. Chúng thi hành chính sách “tam quang” - giết sạch, cướp sạch, phá sạch. Trong khi đó Tưởng Giới Thạch lại phái 90 vạn quân phong toả Bát lộ quân và Tân tứ quân.

Năm 1941–1942, ở nhiều khu giải phóng lại bị mất mùa nặng. Lương thực hết, quân và dân phải ăn lá cây, rễ cỏ trừ cơm. Mùa đông tuyết phủ đầy núi đầy đồng, gió rét tận xương, tận tủy, mà áo chăn thiếu, giày dép cũng thiếu. Những binh sĩ bị thương, những cán bộ đau yếu đều thiếu thuốc men. Thật là gian nan cực khổ.

Trong hoàn cảnh vô cùng gay go ấy, trong cán bộ quân chúng không khỏi có người đâm ra tiêu cực, bi quan. Để củng cố lại hàng ngũ, Trung ương kiên quyết mở hai cuộc vận động lớn trong một lúc. Một là chỉnh Đảng - tức là uốn nắn lại tư tưởng, tác phong trong Đảng. Bất kỳ làm việc gì. Ở cương vị nào, cán bộ và đảng viên phải làm gương mẫu. Hai là phát động phong trào tăng gia sản xuất, phát triển kinh tế và “tinh binh, giản chính!”.

Kết quả về chính trị là đã đánh lui không khí bi quan. Về kinh tế thì các đơn vị bộ đội, các cơ quan, các trường học đã đi đến hoàn toàn tự túc, hoặc tự túc một phần. Hai vấn đề trên đã giải quyết, Trung ương chủ trương đẩy mạnh chiến thuật du kích và “vườn không nhà trống”, làm cho giặc Nhật mò đến đâu cũng đụng đầu vào

sức chiến đấu mới của quân và dân ta. Cuối cùng là kế hoạch càn quét của địch bị phá tan.

Năm 1943–1944, quân đội Liên Xô đại thắng quân phát xít Đức ở châu Âu, thì Trung Quốc Bát lộ quân và Tân tứ quân cũng phát triển khu giải phóng khắp cả nước.

Tháng 8–1945, quân đội Liên Xô đánh tan Quan đông quân là quân đội tinh nhuệ nhất của phát xít Nhật chiếm đóng ở miền Đông Bắc Trung Hoa. Như con rắn bị đánh vỡ đầu, giặc Nhật buộc phải đầu hàng.

Hồi đó, Bát lộ quân và Tân tứ quân có cả thảy 1 triệu 28 vạn binh sĩ; khu giải phóng rộng lớn gồm có 130 triệu nhân dân và hơn 2 triệu dân quân du kích. Đảng Cộng sản có 1 triệu 20 vạn đảng viên.

Những năm đau khổ dưới gót sắt của giặc Nhật vừa chấm dứt, nhân dân Trung Quốc mong mỗi sẽ được hưởng một đời sống hoà bình. Nhưng đế quốc Mỹ liền cấu kết với bọn Tưởng Giới Thạch, gây lại cuộc nội chiến, hòng tiêu diệt cách mạng để giữ gìn quyền thống trị độc tài của chúng.

18 năm nắm quyền thống trị, bốn “đại gia đình” (là Tưởng Giới Thạch, Tống Tử Văn, Khổng Tường Hy, Trần Lập Phu) thắng tay vơ vét xương máu của nhân dân để làm giàu. Tài sản của chúng trị giá 20 tỷ đô-la Mỹ. Đế quốc Mỹ lại đã “hùn” thêm cho chúng 6 tỷ đô-la. Tư bản quan liêu và tư bản đế quốc đã ăn cánh với nhau, đè đầu cưỡi cổ, bóc lột tàn tệ hơn 600 triệu nhân dân Trung Quốc.

Để gây lại nội chiến, đế quốc Mỹ đã trang bị với vũ khí hiện đại cho 4 triệu 30 vạn quân Tưởng, cộng với một triệu vũ khí lấy được của quân Nhật đầu hàng, ngoài ra còn có hải quân và không quân Mỹ giúp sức, 70% đất đai Trung Quốc đang ở dưới quyền cai trị của Tưởng.

Trong lúc đó, Giải phóng quân chỉ có một triệu 28 vạn người và 30% đất đai. (Từ ngày nội chiến Bát lộ quân và Tân tứ quân đổi tên là Trung Quốc Nhân dân Giải phóng quân.)

Với địa bàn rộng, quân đội nhiều, trang bị tốt, lại có quan thầy Mỹ giúp đỡ, bọn Tưởng đã hý hửng khoác lác rằng: Sớm thì 3 tháng, chậm thì 6 tháng, chúng sẽ tiêu diệt Giải phóng quân.

Những người lừng chừng cũng lo sợ rằng: So sánh lực lượng hai bên khác nhau quá xa, Giải phóng quân đánh nhau với Tưởng Giới Thạch khác nào châu chấu đấu với voi!

Nhưng Trung ương Đảng và đồng chí Mao Trạch Đông thì quả quyết nói: “Chúng ta cần phải và có thể đánh bại bọn Tưởng... vì chúng ta là lực lượng cách mạng đánh lực lượng phản cách mạng...” Song song với công việc quân sự; Đảng tiến hành cải cách ruộng đất trong các khu giải phóng. Chính sách ấy đã nâng cao nhiệt tình cách mạng của nông dân, họ hăng hái tham gia Giải phóng quân và đội du kích. Đồng thời Đảng đẩy mạnh công tác Mặt trận Nhân dân Thống nhất. Đoàn kết các giới công, nông, binh, học, thương; các đoàn thể nhân dân; các đảng phái dân chủ; các dân tộc thiểu số và các nhân sĩ yêu nước - tạo thành một lực lượng khổng lồ chống Mỹ-Tưởng. Từ đó giặc Tưởng càng đánh càng yếu, Giải phóng quân càng đánh càng mạnh. Cuối năm 1948, đầu năm 1949, Giải phóng quân đánh đâu thắng đó, ào ạt tiến lên như ngọn thủy triều. Tháng 3 giải phóng vùng Bắc Kinh. Tháng 4 giải phóng Nam Kinh, rồi lần lượt giải phóng cả nước.

Ngày 1-10-1949, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, thành lập nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa.

Thắng lợi vĩ đại của nhân dân Trung Quốc tức là thắng lợi của Chủ nghĩa Mác-Lênin vĩ đại. Nó có ảnh hưởng rất lớn đối với thế giới:

Nó làm cho phe xã hội chủ nghĩa ngày càng mạnh thêm.

Nó khuyến khích nhân dân các nước thuộc địa mạnh bạo nổi lên đấu tranh chống đế quốc và giành lấy tự do độc lập.

Nó làm cho thế lực của đế quốc chủ nghĩa suy sụp rất nhiều, vì thêm một phần tư nhân dân thế giới đã thoát khỏi xiềng xích của chúng.

Còn đế quốc Mỹ thì “tiền mất tật mang”, càng bộc lộ hình dạng xấu xa của con hổ giấy.

Đối với cuộc kháng chiến của Việt Nam ta, thắng lợi của nhân dân Trung Quốc đã giúp đỡ nhân dân ta giành được thắng lợi cuối cùng.

*

* *

Bắt đầu kể chuyện cuộc chiến tranh yêu nước (ta quen gọi là kháng chiến) của Liên Xô, Bác nói: Về địa lý, Liên Xô cách Việt Nam ta hàng nghìn cây số (đường máy bay Mát-xcơ-va đến Hà Nội hơn 8700 cây số). Hồi đó Đảng ta đang hoạt động bí mật. Báo chí khi nhận được, khi không. Tin tức rất lờ mờ và chậm chạp. Tuy vậy, Liên Xô bị Đức phát xít tiến công là một biến cố vô cùng to lớn. Nó làm âm cả thế giới, nó vang đến tận cái hang bí mật trên đỉnh núi đá Cao Bằng!

Tổ quốc cách mạng bị tiến công! Những người cộng sản khắp năm châu ai nghe tin tức ấy mà không nóng ruột!

Lúc đầu Bác có ý định giữ bí mật, không vội đưa tin tức ấy ra, chờ có thêm tài liệu chắc chắn rồi sẽ báo cáo với các đồng chí và đồng bào địa phương. Nhưng chờ đến bao giờ? Rút cuộc đưa tin tức ấy ra một cách dè dặt và có giải thích. Thí dụ: Không nói rằng mấy hôm đầu quân phát xít đã tiến sâu vào gần 600 cây số, mấy thành phố Liên Xô tạm bị địch chiếm, v.v... mà chỉ nói phát xít Đức tiến công Liên Xô thôi!

Khi mới nghe tin, mọi người tỏ vẻ sửng sốt và lo âu. Nhưng một lát sau, thì nhiều người giương nắm tay lên và quả quyết nói: “Không sợ! Liên Xô nhất định sẽ thắng!” Điều này tỏ rõ trình độ chính trị khá cao của các đồng chí ta và họ tin tưởng sắt đá vào lực lượng của Liên Xô vĩ đại.

Không chờ Bác giải thích, một đồng chí cán bộ đứng lên phát biểu ý kiến, đại ý nói: Ngày Cách mạng tháng Mười thành công, kinh tế của Liên Xô rất kém cỏi. Ngoài thì quân đội của 14 nước đế quốc đánh vào. Trong thì khắp nơi bọn phản động nổi loạn. Hồng quân thì mới được tổ chức, trang bị thiếu thốn mọi bề. Tuy vậy, Đảng Bô-sê-vích của Lê-nin đã lãnh đạo nhân dân Liên Xô đập tan nội loạn, đánh lui đế quốc, đưa Liên Xô đến thắng lợi hoàn toàn. Ngày nay tình hình khác hẳn với thời đó, lực lượng của Liên Xô đã mạnh gấp trăm nghìn lần. “Vỏ quýt dày có móng tay nhọn”, dù bọn phát xít Đức

có mạnh đến mấy chẳng nữa, chúng cũng sẽ thất bại, và Liên Xô nhất định sẽ thắng lợi!...”

Tiếng vỗ tay dậy cả vùng rừng. Không ai bảo ai, mọi người cùng đồng thanh hô to: “Liên Xô nhất định thắng lợi! Đảng Bôn-sê-vích muôn năm!”. Liền sau cuộc họp đó, mỗi cán bộ phụ trách một địa phương để giải thích cho nhân dân rõ.

Bác nói tiếp: “Những chuyện Bác sẽ kể cho các chú nghe, lúc đó Bác cũng không biết hết. Sau Cách mạng tháng Tám thắng lợi, nhân dân ta nắm chính quyền Bác mới có dịp tìm thêm tài liệu để biết rõ thêm.

Khuya hôm 21-6-1941, tên chỉ huy một đơn vị phát xít Đức đóng gần biên giới Liên Xô ra lệnh tập hợp bộ đội lại. Từ một chiếc phong bì ngoài có hai chữ: “Tối mật”, nó lấy ra một trang giấy và đọc to: “4 giờ rưỡi sáng 22-6-1941, toàn quân ta sẽ mạnh bạo tiến công vào Liên Xô. Ký tên: Đại bản doanh của thủ lĩnh tối cao Hít-le!”.

Nó vừa dứt lời thì một viên tiểu đội trưởng tên là Vim-hum-sun (Wilhelm Schultz) vùng chạy về phía biên giới Liên Xô. Tên chỉ huy phát xít hét lên: Mày chạy đâu? Bắn. Mấy tên lính rượt theo bắn. Anh Vim-hem-sun cứ cắm đầu chạy, rồi nhảy xuống bờ sang bên kia sông, tuy anh đã bị thương nặng.

Nghe tiếng súng, mấy đồng chí Hồng quân chạy ra bờ sông xem xét, và vớt anh Sun lên. Sun cố hết sức mà chỉ nói được một câu: “Tôi... cộng sản Đức... Mai sớm... chúng chiến tranh... chủ nghĩa cộng sản muôn... năm!”. Nói xong thì anh tắt thở. Trên nét mặt anh vừa có vẻ đau đớn bởi nhiều vết thương, vừa có vẻ sung sướng vì là làm tròn trách nhiệm của một người cộng sản.

Sáng 22-6-1941, ánh bình minh mát mẻ báo một ngày tươi đẹp, nhân dân Liên Xô dậy sớm, bắt đầu chuẩn bị công việc hàng ngày. Bất thành lình tiếng hàng trăm chiếc máy bay Đức ném bom long trời chuyển đất... Thế là chiến tranh Xô- Đức (một bộ phận lớn nhất trong cuộc chiến tranh thế giới lần thứ hai) nổ bùng.

Phát xít Đức gọi cuộc chiến tranh này là “chiến tranh chớp nhoáng”. Hít-le đã quyết định từ 2 tháng đến 4 tháng, chậm lắm là 5 tháng sẽ tiêu diệt Liên Xô.

Tên tham mưu trưởng của nó tên là Phôn-bóc (Von Bock) còn chủ quan hơn. Hắn nói: “Chỉ trong ba tuần thì sẽ kết thúc những trận đánh lớn. Và chỉ cần sáu tuần thì Liên Xô sẽ bị tiêu diệt hoàn toàn”.

Để thực hiện âm mưu ấy, chúng đưa vào mặt trận này:

- 190 sư đoàn tinh nhuệ
- 3.500 xe tăng và xe bọc sắt
- 5.000 chiếc máy bay.
- 50.000 súng đại bác...

Tên đại tướng phát xít Đức Tô-mat (Thomas), còn khoác lác hơn cả. Nó nói: “Hễ quân Đức vào đất Nga, thì chính quyền Bôn-sê-vích sẽ sụp đổ”.

Từ ngày bắt đầu cuộc chiến tranh Xô-Đức, Đảng ta ra sức tuyên truyền vận động ủng hộ Liên Xô chống phát xít Đức.

Tháng 9-1941, làm tưởng chúng sẽ thắng lợi một cách dễ dàng. Hít-le ra lệnh cho quân đội nó: Nếu Mát-xcơ-va và Lê-nin-gơ-rát xin hàng thì cũng quyết không cho hàng, mà phải tiêu diệt sạch hai thành phố này, cả người lẫn vật!

Suốt tháng 9, quân phát xít Đức gồm có 80 sư đoàn, trong đó 23 sư đoàn xe tăng, tiến đến bao vây Mát-xcơ-va.

“Lửa thử vàng, gian nan thử sức”, trước tình thế gay go đó hơn 10 vạn đảng viên, 26 vạn đoàn viên thanh niên cộng sản tình nguyện lên mặt trận. Hơn 50 vạn phụ nữ đêm ngày đào đắp công sự chung quanh Mát-xcơ-va. Các nhà máy quân dụng ở Mát-xcơ-va cứ tiếp tục làm việc. Công nhân, thanh niên tổ chức những đội “ủng hộ mặt trận”, bảo đảm hoàn thành gấp đôi mức kế hoạch đã định. Sau một thời gian cầm cự, tháng 1-1942, Hồng quân phản công và đánh tan vòng vây Mát-xcơ-va.

Đối với Liên Xô, mùa thu năm 1942 là một mùa thu cực kỳ chật vật. Trên các mặt trận, lực lượng phát xít Đức tăng đến 266 sư đoàn. Chúng chiếm đóng những vùng gồm 47% đất ruộng, 45% nhân dân và 33% tổng sản lượng công nghiệp cả nước. Những xí nghiệp chuyển về hậu phương tuy bắt đầu sản xuất, nhưng chưa hoàn toàn vào nề nếp. Số người và số hàng cần chở ra mặt trận

ngày càng tăng, nhưng sức giao thông vận tải tiến chưa kịp... Tuy vậy, với tinh thần Bôn-sê-vích, nhân dân Liên Xô quyết vượt mọi khó khăn.

Tháng 8 năm ấy, Bác có việc sang Trung Quốc, thì bị bọn Quốc dân Đảng bắt. Sau khi bị chúng trói giải đi suốt 18 nhà lao, từ trại giam này đến trại giam khác, chúng đưa Bác về giam ở Liễu Châu. Trong khi nhân dân Liên Xô anh em đang dốc hết lực lượng vào cuộc kháng chiến thần thánh, khi phát xít Nhật–Pháp đang hoành hành ở Việt Nam, khi đồng bào ta đang quần quai dưới hai ách áp bức, khi công việc Đảng và Mặt trận Việt Minh đang nhanh chóng lan rộng ăn sâu vào quần chúng nhân dân – mà mình thì phải nằm queo trong một phòng giam của bọn phản động Trung Quốc, sốt ruột biết bao! Đây không phải là một trại giam chính cống, mà chỉ là một “cắm bế thất” - một phòng giam nhỏ hẹp ngay bên cạnh đội cảnh vệ của tướng Trương Phát Khuê. Chỉ một mình Bác bị nhốt ở đó. Lâu lâu mới có một vài sĩ quan Quốc dân Đảng bị phạt vào ở đó năm, bảy ngày. Bác lợi dụng những dịp đó để học tiếng “Quan”.

Bác gây cảm tình được với vài người lính gác. Mỗi bữa ăn xong còn thừa rau bí luộc, họ đưa cho Bác để “cải thiện sinh hoạt” phần nào. Điều tốt nhất là một ngày họ bí mật quẳng vào cho Bác một tờ *Liễu Châu nhật báo*, đó là một món ăn tinh thần. Nhờ đó mà Bác theo dõi được tin tức chiến sự.

Tháng 2-1943, xem thấy tin: sau hơn sáu tháng chiến đấu vô cùng anh dũng, Hồng quân đã đại thắng ở Sta-lin-gơ-rát, bắt sống 33 vạn quân Hít-le... Bác mừng nhảy lên, suýt đụng đầu vào kèo phòng giam. Bác tự bảo nhất định phải ăn mừng cuộc thắng lợi này. Trong túi chỉ còn vền vền 1 đồng bạc, Bác đưa tuốt cả số tiền đó nhờ người lính gác mua giùm cho ít kẹo và “dầu cháo quẩy” (mua 1 đồng bạc chỉ được 5 hào, đó là quy chế của nhà giam), để làm bữa tiệc. Sau khi phẩn khởi hô khe khẽ mấy khẩu hiệu: Đảng Bôn-sê-vích muôn năm! Hồng quân muôn năm! Liên Xô thắng lợi muôn năm! Bác ngồi xuống một mình “chén tạc, chén thù” rất đàng hoàng vui vẻ. Từ đó về sau, mỗi tin tức Liên Xô thắng lợi là một món quà tinh thần từ phương xa đến để an ủi Bác.

Tôi nói: “Thưa Bác, lúc đang bị giam, Bác có làm nhiều thơ. Nếu Bác cho đăng lên báo, chắc cán bộ và đồng bào sẽ hoan nghênh lắm...”

Bác cười và trả lời: “Các cháu không nhắc thì Bác cũng không nhớ đến nữa. Bác không phải là người hay thơ, mà thơ của Bác cũng không hay. Mười mấy tháng bị nhốt trong một cái phòng u ám và quạnh hiu, một mình một bóng, không được nói chuyện với ai, không có việc gì làm. Muốn ‘du lịch’ thì đi dọc chỉ 5 bước, đi ngang 4 bước. Để ‘tiêu khiển’ ngày giờ, chỉ có cách ngêu ngao, vắt tắt ghi lại mấy nét sinh hoạt của người ở tù, cho khuây khoả thể thôi, phải thơ phú gì đâu...”

Khi được thả ra, mắt Bác nhìn kém, chân bước không được. Bác quyết tâm tập đi, mỗi ngày 10 bước. Dù đau mà phải bò, phải lết, cũng phải được 10 bước mới thôi. Cuối cùng Bác chẳng những đi vững mà còn trèo được núi. Lần đầu tiên lên đến đỉnh núi, Bác cao hứng làm một bài thơ chữ Hán như sau:

*“Vân ủng trùng sơn, sồn ủng vân
Giang tâm như cánh tĩnh vô trần
Bồi hồi độc bộ Tây phong lĩnh
Nam vọng trùng dương ức cố nhân.”*

Bác chỉ nhớ được bài thơ đó. Chúng tôi hết sức chỉ tạm dịch được thể này:

*“Mây ôm núi, núi ôm mây
Lòng sông sạch, chẳng mảy may bụi hồng
Bùi ngùi dạo bước Tây phong
Trông về cố quốc, chạnh lòng nhớ ai.”*

Hồng quân đại thắng ở Sta-lin-gơ-rát là một bước tiến rất to lớn trong cuộc kháng chiến của nhân dân Liên Xô, cũng như trong lịch sử chiến tranh thế giới lần thứ hai. Trước hết nó đã đánh tan cái “mê tín” cho rằng quân Hít-le là “quân bất thắng, quân vô địch”. Hai là nó chứng tỏ Liên Xô ngày càng mạnh và đã nắm quyền chủ động trong cuộc chiến tranh khổng lồ này. Ba là sau trận đó, cái gọi là “chiến tranh chớp nhoáng” (mà bọn phát xít luôn muốn khoe khoang) đã bị

tan tành và từ đó quân phát xít Đức ở các mặt trận khác chỉ có bại, không có thắng. Hồi tháng 11-1942, Hít-le đã phải thở than rằng: “Cuộc chiến tranh với Nga có thể kéo dài hơn 10 năm, thậm chí 30 năm!”. Nhưng Liên Xô không để cho nó kéo dài 30 năm, mà chỉ non trong 3 năm thì Hít-le phải tự tử và chế độ phát xít Đức cũng bị tiêu diệt.

Tháng 9-1943, quân đội phát xít Ý của Mút-xô-li-ni đầu hàng. Ít lâu sau tên quỷ khát máu Mút-xô-li-ni bị quân du kích Ý treo cổ. “Liên minh chống cộng” Đức-Ý-Nhật như cái kiềng ba chân. Nay một chân là phát xít Ý đã bị bẻ gãy, rồi đây hai chân kia cũng sẽ gãy theo.

Tháng 1-1944, thành phố Lê-nin-gơ-rát anh dũng được giải vây...

Ba thành phố to nhất và quan trọng nhất là Mát-xcơ-va, Lê-nin-gơ-rát và Sta-lin-gơ-rát đều đã hoàn toàn giải phóng. Từ đó Hồng quân tiến về các mặt trận phía Tây như mưa giông gió bão, đánh đuổi quân Đức và giải phóng địa phương này rồi đến địa phương khác.

Tháng 9-1944, đất đai Liên Xô hoàn toàn được khôi phục, và Hồng quân đã tiến vào địa phận Đức – sào huyệt của kẻ thù.

Tháng 4-1945, Hồng quân ba mặt vây đánh Bá Linh. Sau mười ngày chiến đấu kịch liệt hôm 30-4-1945 cờ đỏ búa liềm của Liên Xô (do hai đồng chí Hồng quân cắm lên) phát phới tung bay trên nhà lầu quốc hội Đức phát xít.

Hồng quân thắng lợi hoàn toàn. Con quỷ Hít-le tự sát. Nước Đức phát xít đầu hàng.

Trong những năm chiến tranh, các đảng cộng sản và công nhân nhiều nước châu Âu đã lãnh đạo nhân dân tổ chức những đội quân du kích chống lại quân phát xít xâm lược. Khi đánh tiến về phía thủ đô nước Đức, Hồng quân đã giúp các đội du kích ấy đánh đuổi quân Đức, lật đổ chính phủ phản động, và xây dựng chính quyền dân chủ nhân dân, như ở Ba Lan, Tiệp Khắc, Bun-ga-ri, Hung-ga-ri, An-ba-ni, Nam Tư, Đông Đức.

Liên Xô đã kết thúc thắng lợi cuộc đại chiến ở phương Tây. Để giúp nhân dân Á Đông ra khỏi xiềng xích phát xít, tháng 8-1945,

Hồng quân quay sang đánh phát xít Nhật. Chỉ trong mười ngày, Hồng quân đã tiêu diệt Quan đông quân, là quân chủ lực của Nhật, giải phóng miền Đông Bắc Trung Quốc và Triều Tiên. Cuộc thế giới chiến tranh lần thứ hai chấm dứt. Trung Quốc kết thúc cuộc kháng chiến chống Nhật. Cách mạng tháng Tám của Việt Nam ta thành công.

Vì sao, chỉ trong mười tháng quân phát xít Đức đã chinh phục các nước châu Âu, mà chúng lại bị Liên Xô tiêu diệt một cách thảm hại như vậy?

Vì dưới ngọn cờ tất thắng của chủ nghĩa Mác–Lê-nin, Đảng Cộng sản Liên Xô đã đoàn kết nhân dân thành một khối vô cùng chặt chẽ như thành đồng lũy thép. Hoàn cảnh càng gay go, nhân dân càng anh dũng. Những chuyện oanh liệt làm cho “Trời đất phải kinh, quỷ thần phải khóc” nhiều lắm, không thể kể hết. Sau đây là vài điều nổi bật:

Năm 1941, sau cuộc chiến tranh bùng nổ, trong sáu tháng có hơn 34 vạn công nhân ưu tú đã được kết nạp vào Đảng Cộng sản.

Năm 1942, hơn 1 triệu 95 vạn người được vào Đảng.

Trong những năm chiến tranh, Đảng đã kết nạp 8 triệu 93 vạn đảng viên.

Đảng viên chiếm gần 60% trong Hồng quân.

1 phần 3 uỷ viên Trung ương Đảng hoạt động trước mặt trận giáp địch.

Mặc dù hy sinh rất nhiều, do phong trào sôi nổi tham gia bộ đội, năm 1944, qua ba năm rưỡi chiến tranh số Hồng quân đã tăng gấp ba lần.

Công nhân đã vượt mọi khó khăn, như nguyên liệu thiếu thốn, lương thực hạn chế... họ làm việc không kể ngày đêm để cung cấp đủ cho mặt trận. Năm 1944 trang bị của Hồng quân về mọi mặt đã tăng gấp 4 lần trở lên.

Ở nông thôn, chồng và con đi bộ đội, mọi việc đồng áng đều do phụ nữ đảm đang. Họ lao động quên mình, không quản nắng mưa,

sương tuyết. Có khi họ tự động chịu thiếu thốn để cung cấp lương thực nhiều hơn cho bộ đội.

Trong quân đội, trong nhà máy, trong tổ chức du kích... bất kỳ ở đâu và công việc gì, thanh niên đều hăng hái gương mẫu, rất xứng đáng là cánh tay đắc lực của Đảng...

Nói đến đây, Bác ngừng lại một lát và có vẻ ngẫm nghĩ, rồi nói tiếp: Chắc các chú đã nghe chuyện các cháu Đô-i-a Xô Viết, Lưu Hồ Lan Trung Quốc và Võ Thị Sáu Việt Nam. Các cháu ấy đều cùng một lứa tuổi, đều nồng nàn yêu nước, đều phi thường gan góc trước mặt kẻ thù, đều hy sinh một cách vô cùng oanh liệt. Người ta có thể tưởng tượng như đó là 3 chị em, 3 cô con gái vẻ vang của gia đình xã hội chủ nghĩa.

Trong cuộc kháng chiến vĩ đại, người trí thức Liên Xô cũng đã góp phần xứng đáng. Các bác sĩ và y sĩ đã xông pha lửa đạn, hết lòng hết sức săn sóc thương binh, bệnh binh. Các người văn nghệ đã tổ chức những đội văn công lên tận mặt trận phục vụ bộ đội...

Phong trào thi đua yêu nước, phong trào quyên góp, phong trào “đỡ đầu” chiến sĩ đều sôi nổi và bền bỉ. Nói tóm lại: Toàn Đảng, toàn dân đã thực hiện khẩu hiệu do Trung ương Đảng Cộng sản Liên Xô đề ra: “Tất cả cho mặt trận! Tất cả để chiến thắng!”.

Trong lúc chúng tiến vào cũng như trong khi chúng thua chạy, quân phát xít Đức đã phá hoại rất nhiều tài sản của Liên Xô. Chúng đã phá hủy:

- 1.170 thành phố
- 1.876 nông trường Nhà nước
- 32.000 xí nghiệp
- 70.000 nông thôn
- 98.000 nông trường tập thể (hợp tác xã) và vô số trường học, nhà trường.

Tất cả các tổn thất cộng lại đáng giá 2.600 tỷ đồng rúp, tức là bằng số tiền vốn của 12 cái kế hoạch năm năm! Cuộc chiến tranh đã làm cho công cuộc xây dựng của Liên Xô chậm hơn mười năm.

Tổn thất nặng nề nhất, là Liên Xô đã hy sinh 17 triệu người con dũng cảm.

Tuy vậy, chiến tranh vừa chấm dứt thì Đảng Cộng sản lập tức đề ra kế hoạch năm năm lần thứ tư. Trước kia anh dũng giết giặc, thì ngày nay nhân dân Liên Xô anh dũng trong công cuộc xây dựng lại nước nhà. Ngay từ lúc đầu, hơn 80% công nhân đã hăng hái tham gia phong trào thi đua xã hội chủ nghĩa. So với trước chiến tranh, năng suất lao động tăng 37%. Tổng giá trị sản lượng nông nghiệp tăng 73%. Kế hoạch năm năm lần thứ tư đã hoàn thành vượt mức trước thời hạn 9 tháng.

Nhiều thành phố xí nghiệp, trường học, nông trường, v.v... được xây dựng lại to hơn và đẹp hơn trước. Nhân dân Liên Xô chẳng những đã hàn gắn xong vết thương của chiến tranh, mà còn nhanh chóng tiến lên con đường cộng sản chủ nghĩa.

Một điều cần nói thêm: Trước chiến tranh, phe đế quốc chủ nghĩa rất mạnh. Sau chiến tranh, ba cái thành trì của chúng là Đức, Ý, Nhật đã vỡ tan; Anh và Pháp cũng bị chiến tranh làm cho xiềng lỏng. Trước chiến tranh chúng thống trị 5 phần 6 quả đất. Sau chiến tranh, phong trào giải phóng dân tộc rầm rộ nổi lên, hơn 700 triệu người đã thoát khỏi ách thực dân và giành được tự do độc lập. Thế là chủ nghĩa đế quốc suy sụp rất nhiều.

Trái lại, trước chiến tranh, chỉ có Liên Xô là nước xã hội chủ nghĩa, chiếm 1 phần 6 diện tích và 9% tổng số người trên thế giới. Sau chiến tranh, phe xã hội chủ nghĩa tăng thành 12 nước, chiếm 26% đất đai, với hơn 35% nhân khẩu. 1.000 triệu người đoàn kết như anh em trong một gia đình, là đại gia đình xã hội chủ nghĩa.

Cuộc kháng chiến của chúng ta tuy rất gian khổ, nó có thể kéo dài bốn, năm năm nữa, nhưng cuối cùng chúng ta nhất định thắng lợi. Chúng ta nhất định thắng lợi vì Đảng ta sáng suốt, dân ta đoàn kết, quân ta anh dũng, phe ta lớn mạnh.

Mặt trận đường số 4 này là một tượng trưng. Trước kia, quân đội thực dân Pháp lên mặt hùng hổ, dữ tợn như điều hâu. Ngày nay chúng nó thua chạy như đàn vịt.

* *

Bác kể chuyện đến đó thì vừa về đến nhà. Như trên đã nói, những câu chuyện trên đây Bác vừa đi đường vừa kể. Tới đến chỗ nghỉ, chúng tôi nhớ được chừng nào ghi lại chừng nấy. Từ những câu chuyện đó, chúng tôi càng thấy rõ: Lực lượng của Mỹ-Tưởng mạnh như thế (hơn 8 triệu quân) mà cũng bị Giải phóng quân đánh tan; phát xít Đức, Ý, Nhật hung dữ như thế mà cũng bị Hồng quân tiêu diệt. Hai là: Phe đế quốc chủ nghĩa ngày càng suy sụp, phe xã hội chủ nghĩa ngày càng lớn mạnh. Ba là: Trước đây phát xít Đức đã hết sức dùng mọi cách hung ác trong âm mưu chống cộng, kết quả chúng đã thất bại một cách tồi tàn. Ngày nay đế quốc Mỹ đang đi theo vết xe chống cộng của Hít-le, chắc chắn rằng số phận của đế quốc Mỹ cũng sẽ kết thúc một cách thảm hại như số phận Hít-le. Bốn là: Chủ nghĩa xã hội nhất định sẽ thực hiện khắp thế giới; điều đó cũng rõ rệt và chắc chắn như mặt trời mọc ở phương Đông.

HẾT.